

Số 2 — NĂM THỨ TÂM — NHÂM-DẦN



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN

LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN



MỤC LỤC SỐ 2 NĂM THỨ 8

P. L. 2505 — RẪM THÁNG 2 NĂM NHÂM-DẦN (20-3-1962)

Đức dưng mãnh của Phật-tử	<i>Liên Hoa</i>
Thông bạch Đại-tông-lâm Phật-giáo Việt-nam	<i>Thích Thiện-Hòa</i>
Bức thư của Đ.Đ. Minh-Châu gửi thăm P.T.V.N.	<i>Thích Minh-Châu</i>
<u>Luận Tân - duy - thức</u>	<u><i>Thích Mật - Nguyễn</i></u>
Ngày nay (<i>Thơ</i>)	<i>Huyền-Không</i>
Hương Trình công chúa (<i>chuyện ngắn</i>)	<i>Thích-Nữ Thê-Quán</i>
Thành - thật - tôn	<u><i>Thích Nguyễn-Hồng</i></u>
Thư Sư cổ	<i>Liên-Tâm</i>
Những vần xuân thơ	<i>Quách - Tấn</i>
Bồ - đề Đạo-tràng	<i>Thiện-Châu</i>
Phật - giáo Mã - Lai	<i>Thích Tri-Chơn</i>
Mách thuốc	<i>Bác-sĩ Nam-Anh</i>
Tin tức	

Bìa do Họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày



ĐỨC DŨNG MÃNH CỦA PHẬT-TỬ

LIÊN HOA

Trong dịp đầu năm Nhâm - dần Phật-tử Việt-Nam vui mừng nhận được hai bức thư chúc tết của hai tổ chức Phật - giáo Việt - nam mà Liên-Hoa đã hân hạnh đăng vào số 1 vừa rồi. Bức thư thứ nhất là của Thượng-tọa Trị-sự Trường Giáo - hội Tăng - già Toàn - quốc từ Sài-gòn gửi đi; bức thư thứ hai là của Hòa-thượng Thuyền-Tôn, Hội-trưởng Hội Phật - giáo Việt - nam tại Trung - phần. Mặc dầu xuất xứ hai nơi khác nhau, một nơi ở Sài-gòn, một nơi ở Huế; một bên thuộc Giáo-hội Tăng-già, một bên thuộc đoàn thể Cư-sĩ. Hai bức thư ấy có một nội dung gần giống nhau: đều tán thán tinh thần dũng mãnh bất khuất của giới Phật-tử Việt-nam.

Bức thư đầu đã viết:

« Có những vị trong khi hoạt động Phật sự đã hao tổn rất nhiều tâm lực, thiệt thòi nặng nề những quyền lợi thế pháp, hoặc bị ngoại duyên cản trở dòn áp... Nhưng nhờ đạo tâm dũng mãnh mà quý vị đã thắng tất cả những trở lực, đem lại cho Phật-giáo nước nhà những thành quả khả quan.. »

Bức thư sau có đoạn viết:

« Trong công cuộc nỗ lực tu tập nỗ lực phục vụ chánh pháp của năm qua, chúng ta đã chịu đựng quá nhiều gian lao thử thách. Trước thềm năm mới, kiểm điểm lại quá khứ, tôi đặc biệt tán dương tinh thần hy sinh dũng cảm của toàn thể quý vị, các hội hữu và toàn thể đoàn viên Gia-đình Phật-tử... »

Thật quả như thế: Trong năm vừa qua Phật-tử chúng ta đã gặp rất nhiều trở ngại từ bên ngoài đưa đến, nhưng nhờ đạo tâm kiên cố, lòng hy sinh dũng cảm, mà chúng ta đã vượt qua tất cả. Sự tán thán của hai vị lãnh đạo Phật - giáo nói trên. Không phải là lời xã giao trong 3 ngày tết, mà là những lời tha thiết chân thành, phát ra từ những bằng chứng cụ thể mà các Ngài đã đau lòng chứng kiến. Có những sự hy sinh âm thầm trong bóng tối cho chánh pháp, trong

những vùng xa xôi hẻo lánh đã làm cho chúng ta vô cùng cảm xúc, thán phục và phấn khởi.

Nhưng những Phật-tử đã đứng mẫn hy sinh cho chánh-pháp ở khắp mọi nơi trên đất nước chắc chắn không phải vì những lời tán thán mà chiến đấu và hy sinh. Người Phật-tử chân chính cảm nhận một cách sâu xa rằng: Tu không phải như một số người lầm tưởng là tự ru ngủ, là trốn đời, là đầu hàng trước những trở lực. Tu theo họ quan niệm, là chiến đấu cho cái THIÊN chống cái ÁC; là vạch một con đường sáng trong tối tăm, để đưa con người đến một địa vị cao cả đẹp đẽ hơn. Sự chiến đấu ấy tất phải gian lao nguy hiểm, nhất là trong giai đoạn mà cái ÁC đang thịnh hành, bóng tối đang bao trùm, ma vương đang nhẩy múa. Vì những lẽ đó, trong khi người Phật-tử chiến đấu cho Chánh pháp cũng chính là đang chiến đấu cho mình, đang tự đem mình ra thử thách lòng tin và sự tu hành của mình, Trở ngại càng nhiều, gian nan càng lắm, thì chúng ta lại có nhiều cơ hội để thử thách và đào luyện những đức tánh tốt đẹp trên đường đi đến giải thoát.

Cũng do ý thức được sự cần thiết và hữu ích của cuộc tranh đấu như trên, nên cũng trong dịp tết năm nay, ban Quản-trị Phật-học-viện Trung-phần tại Nhatrang đã in và gửi cho tín đồ 1 cái thiệp chúc mừng năm mới, trái với lời lẽ thông thường, nhưng rất chân thành và đầy ý nghĩa. Đó là « mười điều tâm niệm » trong luận Bảo-vương Tam-muội, trong ấy có một đoạn như sau:

« ... Bởi vậy, Phật Đà thiết lập chánh pháp, lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm thành công, lấy gai gốc làm giải thoát, lấy ma quân làm đạo bạn, lấy khổ hạnh làm sự tác thành, lấy bạn tệ bạc làm người giúp đỡ, lấy kẻ chống nghịch làm người giao du, coi sự thi ân như đọt đệp bỏ, lấy sự xả lợi làm vtnh hoa, lấy oan ức làm đà tiến thủ. Do đó ở trong chướng ngại mà vượt qua tất cả.

Ngược lại, cầu dễ dàng thì bị khước mắc, đức Thế-Tôn được giác ngộ ngay trong mọi sự chướng ngại. Ương-Quật hành hung, Đê Bà quấy phá, mà đức Phật lại giáo hóa cho họ thành đạo tất cả. Như vậy, há không phải sự tác nghịch chính là sự tác thành, mà sự khuyển phá là sự giúp đỡ cho ta ?

Ngày nay những người học đạo, trước hết không dẫn mình vào mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại xấp tới thì không thể nào đối phó.

« Chánh pháp chi thượng vì vậy mất hết. Đáng tiếc đáng hận biết ngần nào ».

Giáo hội Tăng giã Nam Việt

BAN KIẾN TẠO

Đại Tông lâm P.G.V.N.

Chùa Ân-Quang

243 Đường Sư Vạn Hạnh.

CHỢ LỚN

*

Thông Bạch

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Kính thưa toàn thể Phật tử,

Gần hai mươi năm nay, từ khi nền Phật-giáo nước nhà bắt đầu phục hưng, nhiều chùa chiền đã được xây cất, nhiều cơ quan đã được gây dựng để phụng sự Phật pháp và truyền bá mỗi đạo cổ truyền của Tổ tiên và dân tộc Việt-Nam ta.

Công trình rất khả quan và dà tiến triển rất là rõ rệt cho nền Phật giáo xứ nhà. Song, trong công cuộc chấn hưng ấy, vì hoàn cảnh eo hẹp và thiếu kém phương tiện, nên tiếc thay, một cơ sở đại qui mô xứng đáng hành diện với các lễ chức Phật-giáo quốc tế, đến nay chưa được thành lập tại Việt-Nam.

Chúng tôi muốn nói đến « Thánh-địa » mà các tôn giáo cổ truyền đều phải có riêng tại mỗi quốc gia như Ấn-độ, Trung-Hoa, Nhật-Bồn v.v... để làm trung tâm đạo đức, nòng cốt cho sự phát huy giáo lý cao cả.

Hôm nay, duyên lành đã đến, cho nên Giáo-Hội Tăng-Giã toàn quốc vừa được phép khẩn một trăm (100) mẫu đất tại núi Thị-Vải, Xã Phú-Mỹ, Tỉnh Phước-Tuy để thành lập một ĐẠI TÔNG-LÂM PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM.

ĐẠI TÔNG-LÂM có mục đích lợi ích gì cho Phật-giáo nước nhà?

ĐẠI TÔNG-LÂM sẽ là :

— Viện Tăng-Thống, uy đức tối cao, tượng trưng tinh thần Phật-giáo Việt-Nam.

— Nơi tu học cho chư Đại-Đức Tăng, Ni toàn quốc, với hoàn cảnh thuận tiện, địa điểm rộng rãi và khí hậu ôn hòa;

— Nơi kiết hạ an cư hằng năm của chư Đại-Đức Tăng, sau bao nhiêu tháng ngày đã đi phở độ quần sanh, gieo trồng chánh-pháp;

— Nơi tu học lý tưởng của cư sĩ, chung quanh quý Thầy để noi theo gương đạo đức mà tu học và thâm nhập đạo Giải-thoát;

— Nơi sản xuất hoa lợi, có thể đảm bảo đời sống vật chất cho Tăng-Ni và cư sĩ.

Chúng tôi ước mong chư Phật-tử sẽ sáng suốt để nhận định một công trình vô cùng quan trọng như thế và hưởng ứng cùng chúng tôi hầu góp phần công đức vào công cuộc xây dựng Thánh-địa này.

Thành hay bại, một phần lớn đều ở trong tay chư Phật-tử.

T.U.N. Tổng-Trị-Sự Giáo-Hội Tăng-Giã Toàn-Quốc.

Thượng Tọa : THÍCH-THIỆN-HÒA

ĐỨC THỂ-TÔN XUẤT-GIA

NẾU kể đến những sự từ bỏ của các vị vĩ nhân trên thế giới, thì chỉ có sự từ bỏ của đức Thể-tôn mới gieo tận tâm tư và đặt con người trước những suy nghĩ thâm sâu về cuộc đời, về hạnh phúc vĩnh cửu của nhân loại mà hôm nay chúng ta cử hành lễ kỷ niệm xuất gia, hình ảnh sống động của sự từ bỏ ấy.

Đối với Phật-tử, ngày lễ này cũng có sự hệ trọng tương đương với đại lễ Phật đản, Phật Thành-Đạo, Phật Niết-Bàn. Để kỷ niệm một cách thật xứng đáng với ý nghĩa xuất gia của Ngài, chúng ta không thể bước xuôi theo một vài nghi lễ, cúng bái thường tình, thô sơ, mà phải nghĩ đến bản hoài chí thượng của đức Thể-Tôn

khí lia bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan.

Vó ngựa dập dồn trong đêm khuya lĩnh mịch trên 25 thế kỷ trước đây còn như thúc dục chúng ta. Trên lưng ngựa, chỉ một chàng thanh niên đầy nhiệt huyết, đầy mộng lành của tuổi đôi mươi vương giả và một tên nghĩa bộc trung thành đã từng chia sẻ buồn vui. Cái đêm trăng tàn sao lạnh ấy, đã chứng kiến một hành động nóng hổi vô tiền khoáng hậu trên bờ sông Anoma của chàng trai tài đức vẹn toàn: sự ra đi của Thái-Tử Tát-Đạt-Đa.

Phải chăng sự xuất gia ấy là hiện tượng của sự xa lánh trần tục vì chán đời, vì yếm thế bi quan?

Phải chăng kể ra đi là để trốn nợ đời quên ơn xã hội như nhiều người thường tưởng?

Bình tâm để suy xét thì có cái gì mà thế nhân gọi là hạnh phúc lại thiếu nơi con người ấy? Danh vọng và quyền quý trong tay một Thái Tử sắp nối ngôi tại một quốc độ rộng lớn và giàu có như Ấn-Độ, hẳn nhiên đã là cao tột! Có người vợ nào hiền hậu và đức hạnh hơn công chúa Da - Du mà hàng công tôn vương giả từng mơ ước! Có một nơi ăn chốn ở nào nguy nga tráng lệ bằng những cung vàng điện ngọc phù hợp với bốn mùa của con vua Tịnh - Phạm?

Thế mà quốc thành, thế, tử, vinh hoa phú quý không đủ sức giết chết ý chí xuất trần cứu thế của Thái-tử Tất-Đạt-Đa! Hẳn có cái gì đây đã làm cho Ngài dũng liệt đứng dậy rũ bỏ ân ái, xa lìa ngại vàng sau buổi dạ hội, khi cung-tần

mỹ-nữ, quan lại nhân dân cùng toàn thể vạn vật đang say sưa giấc mộng của đêm trường hắc ám! Người con yêu của nhân loại tuy mới 19 tuổi đầu mà đã e chề với cuộc đời giả huyền, với những áp bức của xã-hội, với thành kiến giai cấp vô lý mà con người đã lợi dụng đất ra để trở lại đàn áp, ruồng rẫy, dày xéo con người. Trong lúc đó, hình ảnh của sinh, lão, bệnh, tử mà Thái-tử đã chứng kiến tại bốn cửa hoàng thành Ca-tỳ-la-ve và sự tương tàn tương sát trên đám ruộng cày đã là những đề tài thường xuyên khuấy động tâm tư Ngài, liên tục đặt những câu hỏi bất Ngài phải giải đáp. Vạn sự đều vô thường, Ngài phải tìm cái gì thường hơn. Chúng sanh ngập lặn trong đau khổ, cái khổ tự mình gây nên và gây khổ cho người khác. Vì mỗi từ-bì vô lượng, Ngài quả quyết tìm một phương thuốc cứu khổ.

Cái hành động ấy, ai dám

bảo là bi quan yếm thế? Ai dám nói là Ngài ruồng rẫy cuộc đời? Ngài đã ra đi với chí nguyện trở lại cứu đời, xây dựng con người, xã hội thêm đẹp, thêm tươi!

Với lòng từ-bi bình đẳng, Ngài vươn mình ra ngoài quan niệm hẹp hòi về nhân ngã, bỉ, thử, chủng tộc và quốc - gia, mà đặt mình vào bản tính bao la của bản thể thanh tịnh.

Sự việc xuất gia của Ngài đặt lại cho chúng ta một bài học quý. Từ lâu, mê mờ điên đảo khiến chúng ta lấy giả làm chân. Hạnh phúc mà chúng ta mơ ước, theo đuổi, tranh dành do liền tài, danh vọng đưa lại chỉ là thứ hạnh phúc trá hình. Cắt mái tóc tượng trưng cho phiền não vô biên, trả lại chiếc ngự bào là hình ảnh của danh vọng

phù quý : xa lìa lưới kiếm nhơn là tiếng nói của bao lực hung tàn, quả là những tia sáng vĩ đại chiếu tan mây mù dày đặc của si mê. Hành động cao đẹp ấy cho chúng ta thấy muốn cải tạo thế giới đau khổ trở thành an vui thì trước hết là phải đoạn trừ tham ái, xa lìa vật dục, rời bỏ hung tàn Vì thế, nên khi bước chân lên đường gai góc của kẻ xuất gia làm đạo cũng như khi thi hành nhiệm vụ độ sanh trên đường hoằng hóa, đi đến đâu Ngài cũng gieo rắc an vui, giải thoát.

Mỗi lần ôn lại cái đêm lạnh của nhân loại là một lần nhắc nhở chúng ta đừng nên quên bản hoài cao thượng của Ngài, đừng nên cố thủ tâm tánh thấp hèn để đồng tâm đồng nhất ý chí bảo vệ chánh - pháp mà đức Thế Tôn đã để lại cho chúng ta.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH-CA MU-NI PHẬT

*Thư của Đại-Dức Thích Minh-Châu ở Ấn-độ gửi
thăm Phật-tử Việt-Nam trong dịp kỷ-niệm
đức Phật xuất gia 8-2 Nhâm-Dần*



*Cùng toàn thể Phật tử Việt Nam
và độc giả báo Liên Hoa.*

TÔI đi xa Việt Nam như thế này cũng đã gần 10 năm rồi; 10 năm qua, thế sự thay đổi nhiều, lòng người trắng đen cũng lắm, nhưng người Phật tử đối với đức Từ Phụ và chánh pháp của ngài vẫn một mực trung kiên. Và chính sự trung thành giản dị và nhiều ý nghĩa này là sợi giây liên lạc nối liền các Phật tử, trong nước hay ngoài nước, xuất gia hay tại gia, lão thành hay thơ ấu. Và vì vậy, dầu tôi có đi xa Việt Nam, tôi vẫn cảm thấy sống trong đại gia đình Phật tử Việt Nam, và dầu nhiều năm tôi ít được thư của Phật tử Việt Nam, hay không viết thư riêng cho qui Phật tử, tôi vẫn cảm thấy sống gần với các Phật tử trong nước, sống hành đạo và phụng sự đạo. Tôi đã viếng thăm Cao-miên, ở Tích-lan đến 5 năm, ở Diển-diện gần 6 tháng, và ở tại Ấn-độ hơn 6 năm, đi chỗ nào tôi cũng cố gắng tìm hiểu tình hình Phật giáo và dân chúng trong nước. Qua sự kinh nghiệm và nhận thức của tôi, tôi cảm thấy Phật giáo Việt Nam, dầu có nhiều khuyết điểm, vẫn có thể tự hào là trung thành với tinh thần Phật giáo nhất. Đây không phải là một thái độ quá thiên và tự ái chủng tộc, cũng không phải là một lời tán dương Phật tử Việt-Nam, mà chỉ là một sự nhận xét chân thành, phát sanh từ những kinh nghiệm nhiều năm ở hải ngoại, đi đôi với sự suy tưởng chín chắn chân tình thần đạo Phật. Vì vậy

khi người ngoại quốc mà muốn thăm Việt Nam, tôi bao giờ cũng vui vẻ viết thư giới thiệu với Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, với lòng tin tưởng rằng những ai được sống gần Phật tử Việt Nam sẽ mến phục và có cảm tình với Phật giáo Việt Nam nói riêng và nước Việt Nam nói chung. Và tin tưởng của tôi không bao giờ phải bị thất vọng cả. Những khách đến viếng thăm Phật tử Việt Nam bao giờ cũng tán thán và mến phục Phật tử Việt Nam, tán thán tinh thần phụng sự và trung thành với đạo Phật, dầu gặp bao nhiêu nguy hiểm gian nan, mến phục sự tiếp đón nồng hậu của Phật tử Việt Nam. Phật giáo Việt Nam trung thành với tinh thần phóng khoáng và từ bi của Đại-thừa, nhưng không rơi vào sự phóng dật, khinh rẻ giới luật Tiểu Thừa, vì Phật tử Việt Nam bao giờ cũng lấy giới bổn Tỷ-kheo làm căn bản. Nhưng trong sự kính trọng luật tạng Tỷ-kheo, Phật tử Việt Nam không vấp vào sự chấp trước sự tướng của Tiểu-thừa. Phật giáo Việt Nam biết hòa đồng tinh thần phóng khoáng Đại-thừa và kính trọng luật tạng Tiểu-thừa và như vậy gìn giữ đứng đắn chọn tinh thần đạo Phật. Đó là điểm chính khiến Phật tử ngoại quốc tôn trọng quý mến Việt Nam. Và thêm vào tánh tình rộng rãi và sự chiêu đãi nồng hậu của người Việt Nam, khách đến thăm Việt Nam tự nhiên có cảm tình với Phật-tử Việt Nam và nước Việt Nam.

Đi song song với sự phụng sự đạo Phật của Phật-tử trong nước, tôi ở hải ngoại cũng luôn luôn nghĩ đến sự đóng góp một phần nào cho sự thịnh vượng chung của Phật giáo toàn quốc. Hiện nay tôi đã viết xong bản Luận văn Bác-sĩ Triết-học của tôi về vấn đề: «So sánh giữa bản Hán-văn Trung-A-Hàm và bản Pali Majjhima Nikāya». Viết quyển này, phải biết hai thứ tiếng Hán văn và Pali, rồi phải dùng Anh-văn làm chuyên ngữ.

Bản chữ Hán Trung-A-Hàm là dịch từ chữ Phạn «Sanskrit» nên trong khi dịch chữ Hán ra Anh-văn, nhiều đoạn phải dẫn chứng tiếng Sanskrit cho dễ hiểu và nhiều khi phải trích lục hàng trang Sanskrit, thành thử bản Luận

văn của tôi có nhiều đoạn bằng chữ Sanskrit. Ngoài ra, để chứng thực nhiều vấn đề bàn đến, tôi phải dẫn chứng nhiều đoạn Pháp-văn trích trong các tác phẩm viết bằng chữ Pháp, vì vậy bản Luận-văn của tôi có vài đoạn trích bằng tiếng Pháp, không được cho nhiều lắm vì phần lớn tôi phải dịch qua Anh-văn, kéo bên này ít người biết đến Pháp-văn. Ngoài ra, vấn đề tôi trình bày trong tập Luận-văn của tôi hoàn toàn là một vấn đề mới mẻ: «sự so sánh đối chiếu giữa bản chữ Hán Trung-A-Hàm và bản Pali Majjhima Nikāya» Học giả thế giới nay thông hiểu kinh tạng Pali nhiều, nhưng rất ít biết đến kinh tạng Hán-văn. Còn những nhà thông hiểu Hán-văn lại ít biết đến Pali. Tập đối chiếu giữa Hán-văn và Pali như bản Luận-văn của tôi làm thỏa mãn cả 2 hạng học giả trên. Ngoài ra, bản Trung-A-Hàm thuộc phái Nhất-thế hữu-bộ và bản Pali Majjhima Nikāya thuộc phái Thượng-Tọa-bộ. Vì các bản Sanskrit bị thất lạc nên rất ít người biết đến phái Nhất-thế hữu-bộ. Vì vậy bản Luận-văn Bác-sĩ của tôi sẽ được nhiều Học-giả thế-giới chú ý, vì tôi trình bày giáo lý của Nhất-thế hữu-bộ song song với giáo lý của phái Thượng-Tọa-bộ. Bản Luận-văn của tôi dày hơn 1300 trang, nhưng phải loại bớt đi sợ quá dày nên chỉ còn lại hơn 800 trang. Nay tôi đang duyệt lại để đem in và cũng phải bỏ bớt độ 200 trang nữa, vì thời đại này ít ai có can đảm đọc Luận-văn dày hơn 400 trang cả. Tuy vậy, tôi vẫn giữ lại những mục chính, không cho sự cắt bỏ này tổn hại đến đại cương của quyển sách tôi. Trong khi chờ đợi kết quả bản Luận-văn Bác-sĩ Triết-Học của tôi, tôi cũng đã soạn xong một tập đối chiếu giữa bản Hán-văn Na-Tiên-Tỳ-kheo kinh với bản Pali Nulinda-pāḷia, bản này đã duyệt lại và có thể được in một lần với bản Luận-văn của tôi. Hiện nay tôi đang soạn thêm tập đối chiếu giữa bản Hán-văn Trường-A-Hàm và bản Pali Aijha Nikāya và đang viết một quyển sách nữa về Ngài Huyền-Tráng. Tôi hoàn toàn hồi hướng tất cả công đức trên cho Phật giáo và Phật-lữ Việt Nam với lòng tôi tin tưởng chân thành rằng, những công tác của tôi sẽ giúp cho Phật-

giáo. Thế-giới biết đến Phật-tử Việt-Nam và một lối phụng sự trực tiếp cho Phật-giáo văn-chương thế-giới. Tôi cũng vẫn biết các quyền sách của tôi sẽ không đem lại một nguồn lợi vật chất nào cho tôi. vì những quyển sách của tôi đâu có phải là quyển tiêu-thuyết; nhưng trong khi phụng sự cho đạo và cho văn-chương, quá thiên về lý tài có thể làm vẩn đục sự trong sạch cao thượng của ý nghĩa phụng sự.

Tôi đi lâu như thế này có một vài Phật-tử lo ngại sợ tôi sẽ quên Việt-Nam, làm như đạo Phật có thể là một đạo làm mất căn bản, phá hại gia-đình, tổ-tiên, làng xóm, nước nhà thân yêu. Tôi có thể quên nước Việt-Nam và các Phật-tử Việt-Nam khi tôi không còn là Phật-tử. Mà khi tôi còn là Phật-tử, thì dầu tôi có xa nước Việt-Nam rất lâu, tôi vẫn mãi mãi nhớ đến Phật-giáo và Phật-tử Việt-Nam. Vậy điều chúng ta nên ngại, không phải vì sự cách biệt không gian và thời gian, trong nước hay ngoài nước, chúng ta chỉ nên sợ khi chúng ta không còn là một Phật-tử mà thôi. Vậy điều cần hiện tại là mỗi mỗi Phật-tử chúng ta hãy cố gắng làm tròn bổn phận mình đối với đạo trong phạm vi hoạt động của mình, thì dầu chúng ta có cách xa nghìn trùng, chúng ta vẫn sống chung trong đại Gia đình Phật-tử, cùng nhau tôn thờ một lý tưởng, một mục đích thiêng liêng chung.

Từ khi tôi đi xa Việt-Nam, nước thân yêu của chúng ta luôn luôn bị nạn binh lửa can qua, non sông đổ nát, dân chúng điêu linh, nên tự cá nhân tôi không bao giờ thấy vui vẻ và luôn luôn ngậm ngùi lo ngại cho sự an toàn của Phật-tử nước nhà. Càng thấy nước nhà gian khổ nguy biến, tôi càng cảm phục và tán thán đạo tâm chân thành của Phật-tử Việt-Nam, luôn luôn phụng sự và hy sinh cho đạo, giữ vững tinh thần truyền thống của đạo Phật Việt-Nam dầu trải bao nhiêu nguy biến gian lao. Chính tinh thần phục vụ bất khuất và cao quý này đã liên lạc chặt chẽ Phật tử trong nước và ngoài nước và khiến chúng ta tin tưởng ở tương lai xán lạn của một nước Việt-Nam bất diệt và ở sự phục hưng rực rỡ của đạo vàng muôn thuở.

LUẬN TÂN DUY THỨC

Sọn giớ : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giớ : THÍCH MẬT NGUYỄN

II. — LUẬN DUY THỨC VỀ VŨ-TRỤ VÀ NHƠN SANH.

Khách nói rằng : Nay hiện thấy có trời đất, người và vật, không phải là pháp hiện-thật ư? Nói một cách thiết cận hơn, chúng ta có sanh mạng tồn tại cùng cá tánh tồn tại, nói rộng ra vũ trụ tất có tự nhiên tồn tại và bản thể tồn tại. Như vậy chúng ta có thể mật sát không phải là pháp hiện-thật ư? Cho nên có người bảo rằng các pháp hiện-thật duy là thức, là không phải.

Luận rằng : Khách cho trời đất nhơn vật là hiện thật, phải chăng nhơn sự hiện thấy là có ư?

Khách nói rằng phải.

Luận rằng : Nếu có thể chứng minh trong sự hiện thấy thật không có trời đất nhơn vật, thì trời đất nhơn vật há không phải là pháp hiện thật ư?

Khách nói rằng : Trong chỗ hiện thấy phân minh có trời đất người vật, há có thể chứng minh rằng thật không ư?

Luận rằng : Khách nay nhận sự hiện thấy có trời đất người vật hiện thật, không phải đồng như hiện thấy trái quýt ở trong bàn tay ư?

Khách nói rằng: Lấy gần để sánh xa, lấy nhỏ để so lớn, thời cái hiện thật trong sự hiện thấy, không khác gì hết.

Luận rằng: Trái quýt mà nay khách hiện thấy đó, không phải tức là hình tròn mà vàng ư?

Khách nói rằng: phải.

Luận rằng: Nếu tròn mà vàng ấy tức là quýt, thời cái bóng tròn mà vàng ở trong gương cùng với hình tròn mà vàng ở trong bức vẽ cũng là quýt ư?

Khách nói rằng: Không phải thế, trái quýt hiện thiệt đó có hương, có vị, có đụng chạm (cầm nắm) được, cho nên khác với bóng trong gương, hình trong bức vẽ.

Luận rằng: Cái hiện thấy đây và hiện thấy ở đó, chỉ là thấy hình tròn mà vàng, còn hương vị và xúc đều là chỗ hiện không thể thấy được, như thế có thể biết cái hiện thấy đây cùng với bóng trong gương hình trên bức vẽ in nhau, mà trái quýt thật không phải vật sở hữu trong cái hiện thấy, trong cái hiện thấy đã không có quýt, nên biết quýt không phải là pháp hiện thật; quýt đã như vậy, trời đất người vật lại không như vậy ư?

Khách nói rằng: Vậy thời nhận cái cá thể để y chỉ chấp tri cho sự thấy, nghe, ngửi, nếm và cảm xúc do sắc, thanh, hương, vị và xúc làm quýt thời thế nào?

Luận rằng: Cái mà khách gọi là cá thể, cũng có thể chứng minh mà ra ư? Như là chứng minh cái hiện thấy là hình sắc, cái hiện nghe là âm thanh, cho đến những xúc trần như hiện cảm-giác là cứng mềm, ráo ướt, lạnh nóng và kích động vậy. Và những cái đó đều tùy sự thấy, ngửi, nếm và cảm xúc của hiện hành biến chuyển trong từng sát na, gãy móng tay đã không phải cái cũ khi hồi, thì không vật gì có thể theo dõi để giữ lại được. Thế thì cái cá thể của khách nói, quả ở chỗ nào?

Khách nói rằng: ở một chỗ ấy hiện có sắc, hương, vị và xúc do sự thấy ngửi, nếm và cảm giác, hòa hiệp liên tục nhóm chứa mà tồn tại, có thể cầm được, lấy được, cất được và bỏ được, đó là tức cái cá thể của tôi nói.

Luận rằng: thể các xứ (6 căn và 6 trần) vốn không, chỉ là một số giả hiện. Do sắc, hương, vị và xúc bởi sự thấy, ngửi nếm và cảm giác, hòa hiệp liên tục mới có một cái ấy, chứ không phải bởi có một cái ấy mới có sắc, hương, vị và xúc do sự thấy, ngửi, nếm, và cảm giác hòa hiệp mà liên tục, cho nên sự cầm lấy, chứa và bỏ, cũng chỉ là sắc hương, vị và xúc do sự thấy ngửi, nếm và cảm giác hòa hiệp mà liên tục, chứ không có cái gì khác vậy. Cũng kiết hiệp nhiều người, người trước chết người sau sanh, tương tục làm thành một đoàn thể, chứ đâu phải ly khai, cái số nhiều người kiết hiệp tương tục mà có thể riêng có một cái thật thể tồn tại được.

Khách nói rằng: Ta nay chỉ nhận cái tướng hòa hiệp, liên tục của sắc, hương, vị và xúc để làm cái thật hiện là có, thời lại thể nào?

Luận rằng: đã là cái tướng hòa hiệp liên tục, thời một mai bị tan rã tức là tiêu diệt không chỗ tồn tại. Và trừ những sắc, hương, vị xúc ra vốn không có cái gì khác. Làm sao có thể nhận là thiệt có ư?

Khách nói rằng: Như vậy thời hiện có sắc, thanh hương, vị, xúc, do thấy nghe ngửi nếm và cảm giác, chắc là thiệt có, cái ấy đã thiệt có, không phải là duy thức vì đó là duy vật tức là vật chất tập hiệp mà sanh vậy.

Luận rằng: Khách toan bảo trong hiện thấy thiệt có sắc, thanh, hương vị và xúc, do thấy nghe ngửi nếm và cảm giác có thể được không? tức như ngày nay thấy tròn và vàng, cái hình tròn nương nơi sắc vàng mà hiện làm phân vị sắc vàng chứ không phải cái chỗ thấy,

hiện thấy được đó, vì hiện thấy chỉ là sắc vàng mà thôi. Có điều, nay nếu bỏ lia hình tròn thì cũng không có sắc vàng đâu, mà chỉ vì không có hình tướng giới hạn thời không có bờ mé, không có bờ mé cho nên không có phương sở, thời trời cùng đất bằng nhau, núi cùng sông ngang nhau, cái hình tròn đã có thể giới nơi cái giống sắc mà hiện ra, thời sắc vàng cũng có thể mang các giống hình mà sáng tỏ. Như cảnh trong bức vẽ, không gồ ghề mà giống có gồ ghề, như ảnh trong gương không xa gần mà tự có xa gần, đó đều là hiện thấy không có, chỉ do ý thức ở trong hiện thấy cấu tạo tăng ích mà phát khởi, mà trong chỗ hiện thấy chỉ còn cái sắc vàng lặng như hư không vậy.

Khách nói rằng: Đó là cái sắc vàng rỗng không mà chắc là cái hiện thật ở trong cái hiện thấy được ư?

Luận rằng: Một tiếng sắc vàng là đã chứa hết nghĩa châu biến, thấu hết cả sắc vàng trong vũ trụ. Hiện thấy rõ ràng được đây, mỗi vật tự có chừng ngần. Lấy trái quýt mà nói, thấy được mặt này, không thấy mặt kia, thấy một lớp ở ngoài mà không thấy nhiều lớp ở trong. Nếu thấy một cho là phần ít, thấy được là thấy, thời nhiều phần không thấy sao không gọi thêm là không thấy nữa đi. Cho nên biết các sắc vàng cũng không phải là cái có trong hiện thấy, bởi vì sự có của sắc vàng là do trước đó đã có cái tâm tưởng về sắc vàng cùng với các giống tâm không phải sắc, không phải sắc vàng nương nhau mà bày rõ, thiệt chỉ có các tâm cảm ứng nhau, xoay chuyển giống như pháp hiện kiến mà thôi. Mà ở trong hiện thật về lý ngôn nội chứng, chỉ là một tánh chơn-giác bình-dẳng, thật không một tướng một danh có thể an lập được. Cái sắc hiện thấy như vậy, thì thanh, hương, vị và xúc do hiện nghe ngửi, nếm và cảm giác cũng lại như vậy. Một trái quýt như vậy, vô số trời đất người vật cũng lại như vậy. Cho nên biết các pháp hiện thiệt, quyết định đều là duy thức.

(Còn nữa)

NGÀY NAY

Mến gửi Nguyễn-Thái

BÔNG chiều vừa đỏ xuống
Loài người hồn độn đi
Ngày mai ơi, hy vọng
Nhân loại nói năng gì?



Mười năm là thế kỷ
Rút ngắn nhịp thời gian
Dòng đời trôi quai dị
Lòng người sao hoang mang



Nhịp đi nhanh chóng quá
Trời đất bỗng lạ lùng
Nỗi niềm quen biến hóa
Mây bay về mõng lung



Thế giới say phi đạn
Hòa tiền bán vệ tinh
Thanh niên sù lên trán
Ai xây mộng hòa bình?



Trời xanh ôm hy vọng
Tương lai nói chuyện nhiều
Gió về xoay chong chóng
Mùa Xuân đầy thương yêu



Không gian dài thao thức
Bình minh hốt hoảng cười
Ngày nay đầy ray rức...
Tiến bộ nở hoa tươi?

HUYỀN-KHÔNG

HƯƠNG TRINH CÔNG CHÚA



Mẫu chuyện đạo của THÍCH NỮ THÈ - QUÁN

HOÀNG đế Đại Lâm nhìn ra sân, mãn sương còn dầy đặc: Ủa, Võ hộ giá sao chưa thấy? Thì tiếng nhạc ngựa vừa đến. Một thanh niên bước xuống, chàng nai nịt gọn gàng trong bộ đồ sẵn thú trông oai phong nhưng không kém vẻ hào hoa.

Lã Tiên Đình võ hộ giá của hoàng đế Đại-lâm, chàng đã đẹp trai lại có vẻ tiên phong đạo cốt. Tuy được vua trọng dụng, Tiên-Đình vẫn gây nhiều thiện cảm với quần chúng. Nhất là người ta thấy chàng đã khuyên vua bỏ nhiều tội ác. Vì thế Tiên-Đình rất được lòng dân, các bạn đồng liêu đều kính mến và thường gọi chơi là « bạch diện thư sanh ».

Lịch sử của chàng như một giấc mơ. Người ta không biết Tiên-Đình là con cái nhà ai? Chỉ nghe đồn miệng: cách mười năm về trước, trong ban ca nhạc của nhà vua có một em bé mặt đẹp mà ca hay, nên một hôm sau buổi lẩu nhạc, hoàng hậu cho tuyển em vào hầu cận ở hoàng cung. Tiên-Đình thông minh ý tứ nên 2 vua đều thương cả.

Giữa lúc đang được cưng-sủng thì bỗng đâu tai bay vạ gió đến với em. Một chuỗi ngọc châu quý của hoàng-hậu khi không, không cánh mà bay.

Hôm ấy sau buổi dạ yến, hoàng-hậu trở về phòng

vừa cởi ra thì không biết vì sao mất biết. Trong phòng riêng của hoàng-hậu trừ 2 vua thì chỉ một Tiên-Định ra vào. Vì vậy em bị bắt.

Quan tư pháp bộ hình đề riêng một phiên xử vụ Tiên-Định. Khi chủ ngục dẫn em ra, thoát nhìn, quan bộ hình cũng phải yêu. Ngài ôn tồn: « Theo tuổi con thì chưa có luật (em mới 12) vậy con có lấy chơi bỏ đầu thì khai ra ta sẽ tâu vua tha tội cho. Nếu không khai chắc bị tra tấn con làm sao chịu được những hình phạt nặng nề, vậy con cứ khai đi ta sẽ chăm chước cho ». Em cúi đầu đứng lặng vẻ mặt bình tĩnh có dáng suy nghiệm nhiều, lúc lâu em thưa: « thưa ngài về vụ này một mình con không thể lấy lọt được, nên trong đây có 4 người nữa đồng phạm ». Mọi người đều nín lặng, nhất là quan bộ hình chăm chỉ nghe. Ông dõ: ừ, ai con cứ khai ra ta sẽ xử phân minh ».

— Thưa ngài, nếu con đã khai thì xin ngài phải mời cả 4 người chứ đừng vị tình chi cả.

— Ừ được rồi, con nói đi.

Giao hẹn xong, em khai: Trong vụ này có hoàng-tử Mạnh-Đan, đại thần Trí-Tuệ, phú ông Đức-Tri và cô cả-kỷ Lý-Dạ-Hương.

— Ừ sao 4 nhân vật em khai lại toàn những danh nhân trong nước cả. Thái-tử Mạnh-Đan là điện-hạ của đương kim hoàng-đế, đại thần Trí-Tuệ tể-tướng đầu triều, phú ông Đức-Tri oai quyền sang trọng địch quốc, Lý-Dạ-Hương một danh ca tài sắc đương thời?

Từ cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác, 4 nhân vật em khai sao nó không dính dáng gì nhau cả? Nhưng không lẽ sao có khói? Không lẽ thằng bé này dám khai dựng đứng? Coi bộ nó nói chắc chắn lắm

mà... năm sáu dấu hỏi trong lòng mọi người, nhất là rắc rối cho quan tư-pháp. Vì thế vụ xử đành đình lại, và dĩ nhiên quan tư-pháp tâu lên chúa thượng.

Vua và hoàng-hậu rất lấy làm lạ. Cho hỏi, đông-cung cũng tức cười rồi vì tánh hiếu kỳ ngài muốn đi cho biết.

Đại phạm việc gì vừa vừa thì người ta mới tức bực chứ những cái không ngờ mà xảy ra thì họ tức cười hơn. Nhất là trong vụ này lại có nàng Lý-Dạ-Hương. Cái nhan sắc khuynh thành của cô ca-kỹ đã làm 3 ngài quên đi cái bực mình. Thái-tử, đại thần, phủ ông ngồi nhìn sững Lý-Dạ-Hương nét mặt buồn của người đẹp càng đẹp lạ, các ngài đồng nghĩ: Không biết thằng bé này vô tâm hay hữu ý mà nó khai kèm Lý-Dạ-Hương vào đây thật diệu kế. Thật thế nếu không có cô Dạ-Hương ngồi đó thì em bé phải biết tay 3 ngài. Nhưng nhờ vậy, Hoàng-tử khoan hồng hỏi: Tiên-Đình con có đại lấy chơi thì trả lại, ta sẽ tâu hoàng-hậu tha tội cho, chứ sao con dám khai cho ta hứ? Trước mặt người đẹp dù sao phủ ông cũng không lẽ hung hăng ông nhìn Tiên-Đình: này em, em ngó lại qua đây có khi nào vào hoàng-cung đâu, huống chi chỗ phòng riêng của hoàng-hậu sao em lại khai rắc rối cho qua thế? — Lý-Dạ-Hương e lệ trước quí ngài nàng cũng dịu dàng: này em coi có bao giờ chị gặp em đâu mà em đi khai lụng lụng cho chị tội quá!

Tri-Tuệ đại thần ngồi yên lặng, ông đang suy nghĩ: lạ thật, không biết ai bày mà nó lại khai ta với 3 người này thật vô lý quá, ông có ý tức nhưng khi nhìn thấy Tiên-Đình, thì ông liêu ngay, mặt nó thông minh thế kia, xinh quá ai mà không yêu! Nó khai rắc-rối cho người ta rồi ngồi tự nhiên tự tại. Ừ, sao nó không khai cho bọn cung nữ lính tráng trong cung? Lại lựa 4 người nhất hạng trong nước mà khai? Lạ thật! ? Vậy đề ta bình tình suy nghiệm kỹ may ra manh mối chăng?

Từ khi nghe Thái-tử bị liên can vào việc này, tuy hoàng-hậu không nghi nhưng rất buồn. Ngài truyền nhiều lính Ngự-lâm đi khắp mọi nơi dò hỏi. Mấy chục cung-nhân giả dạng thường dân cũng phân đi các ngả dò xét.

Phụ ông khi có lệnh quan mời, phú bà rất lo sợ, một mặt sai gia nhơn đi kiếm và bỏ nhiều tiền thuê người rải tán mọi ngả, đón đường đề hỏi tìm.

Lý Dạ Hương một danh ca được nhiều vương hầu bá tước đề ý, nhưng nàng còn chưa ghé mắt xanh. Nay nghe Dạ Hương bị bắt các ngài bắt bắt cỡi ngựa rong xe thân hành lùng khắp tất cả, từ thành nội thành ngoại, các thôn quê, những ngã đường, hiệu cầm đồ, nhà bán ngọc v.v... ai cũng tâm niệm cho mình tìm ra thì được người đẹp đề ý.

Suốt mấy hôm Trí Tuệ đại thần không nhắm mắt, ông suy nghiệm mãi, rồi đến một hôm cách 3 ngày sau ông tin cho quan bộ hình biết: là xử vụ này phải mời cả chúa thượng, hoàng hậu cùng tất cả bá quan chứng kiến.

Hôm sau khi công chúng tề tựu đủ, đại thần đứng lên đồng đặc hỏi: Tâu chúa thượng, trong phòng hoàng hậu trừ Tiên Đình ra, ngài có nuôi con vật nào không? Câu hỏi của đại thần như một tiếng trống dội mạnh, cả 2 vua đều thốt: « À hay Lệ-nô? có lẽ Lệ-nô ». Thế là một toán Ngự lâm vội vàng chạy vào hậu cung... thì trên 1 cây nhãn cành lá sum sê, đầy, gia đình của Lệ-nô, quả nhiên chuỗi ngọc treo tòn ten trên cành cao. Lệ-nô là một con khỉ cái rất tinh khôn cũng được 2 vua cung lẫm, Thái giám dâng chuỗi ngọc ra, đức vua đưa lên cao cho mọi người xem. Ai cũng khen tài của quan đại thần. Nhưng người ta không khỏi ngạc nhiên cái việc em bé khai, nhất là quan đại thần Trí Tuệ. Ông liền xây lại hỏi em vì lý do chi em khai như vậy?

Tiên Đình đứng lên hùng dũng thưa : « Thân con thơ đại tứ cố vô thân, may được vua thương cho vào hầu cận, rủi mất ngọc, hoàng hậu nghi con cũng phải, vì cung ngài chỉ một mình con được ra vào. Đã bị nghi, nếu con nói quanh quẩn chắc các ngài nổi xung thế nào con cũng bị tra tấn, con bé bỏng làm sao chịu được cực hình ? E phải chết oan !! Con nghĩ : Nếu khai nạo cho Thái-tử thì hoàng hậu đủ uy thế, cung nga thế nữ nhiều, ngài sẽ cho đi tìm ngọc. Phú ông giàu sang địch quốc, nếu khai ông dính dáng vào vụ này thì phú bà phải thuê người dò xét. Có Lý Dạ Hương mà bị bắt thì các công tử nóng ruột thì nhau đi tìm dùm. Còn đại thần Trí Tuệ là quan công minh xưa nay, may nhờ trí sáng của ngài xét nghiệm có thể ra manh mối... »

Mọi người đều ngạc nhiên và khám phục trí thông minh của em. Có người cảm động đến rơi nước mắt.

Sau vụ tìm ra ngọc. Hai vua càng thương quý, cho em theo học hành và dĩ nhiên Tiên Đình học rất thông minh đến năm 20 tuổi thì văn võ toàn tài, hiện nay tức Lã Tiên Đình võ hộ giá của hoàng đế Đại-Lâm.

Cuộc lập du (1) hôm nay do Tiên Đình tổ chức đơn sơ vì chàng đã tâu trước với đức vua nhơn việc săn bắn ở Mã Lạp sơn sẽ bàn nhiều quốc sự.

Săn bắn là thú thích của ông vua gian hùng hiếu sát ấy. Nhưng đã mấy năm nay Tiên Đình lên giúp vua chàng thường can không để vua chơi những trò hung bạo.

Thế mà hôm nay chàng lại tổ chức đi săn khiến vua ta rất bằng lòng. — Mãn sương còn động, bạc cả ngàn cây. Hai con bạch mã song song trên đường thiên lý, hướng về Mã Lạp sơn.

1) Lập du : đi săn bắn chơi.

Vua mặc thường phục, theo sau vài tên ngự lâm không xuất sắc.

Tiên Đình dăm chiêu nhìn quăng đường khúc chiết quanh co. Đã đòi ba phen chàng trả lời bằng quơ không ăn khớp câu hỏi của chúa thượng. Nhưng bạo chúa làm sao đọc được những ý niệm tế nhị trong đôi mắt của vị thiếu niên anh tuấn ấy??? Rồi không hiểu sao? Hay chàng đã thấy gì? Bỗng nhiên Tiên Đình quát ngựa chạy, chạy máu, vua cũng chạy theo, ngựa chàng cứ như phi lên, ngựa vua cũng thế, hai anh Ngự lâm bất giác cũng chạy nhưng không kịp nữa. Con đường đến núi quanh co nhiều ngã quẹo, họ trông theo dấu bụi để tìm nhưng vẫn chịu tìm không thấy. Hai anh ngự gác nhìn nhau, được cái họ tin ở tài quan võ hộ giá chắc không để chúa thượng phải lâm nguy.

Hai chúa tôi này giờ cứ lanh quanh tìm đường, nhưng càng tìm hình như lại càng đi sâu vào núi. Có lẽ xa lắm rồi, nơi đây không có dấu chơn người. Vua hơi chợt dạ, nhưng được Tiên Đình bình tĩnh nên ngài đỡ lo.

Không biết đã mấy giờ? Con nắng lên cao lắm, xuyên qua những cánh cỏ thụ. Trên nét mặt Tiên Đình nổi lên nhiều đường gân, môi chàng mím lại... Vua mệt nhiều, mồ hôi ướt như tắm, ngựa cũng uể oải vì nắng gắt. Tiên Đình tâu vua xin dừng ngựa nơi đây cho định thần và đỡ mệt. Vua nằm như trên tảng đá dưới cây cao rồi ngủ mê như chết. Chàng vén tay áo lên, trong đôi mắt cháy đỏ vì hận thù... Phải chăng chàng đã thấy gì trong cánh tay nõn nà như ngọc chuốt ấy?? — Hai cái sẹo to nổi lên hai chữ «phục thù»... Rồi cả một khung cảnh diễn lại tuy mơ hồ tự ngày chàng còn bé... nhưng càng theo tuổi lớn lên lại rõ thêm.

Ngày ấy, khi vua cha bị Đại-Lâm tiếm ngôi, mẹ con

chàng được một vị trung thần phò đi lánh nạn. Năm ấy, Tiên Đình mới lên 6, chàng còn nhớ câu nói đầy uất hận của phụ vương: «Than ôi! Nếu Hương Trinh là trai thì thù này còn mong báo được, ta vô phước sanh Hương Trinh, thôi còn nói gì nữa!!» Tuy mới sáu tuổi, Hương Trinh cũng biết tủi mình trước lời phụ hoàng than. Không chịu nhục và bắt đầu nuôi chí nguyện, nàng khắc ngay hai chữ «phục thù» vào cánh tay để nhớ mãi.

Trong những ngày mẹ con lánh nạn, Hương Trinh nhớ rõ lắm. Nhớ những khi mẫu hậu cầm tay dẫn con qua hơi buồn thắm: «Con ơi! 4 năm, trước khi phụ hoàng bị cực hình, cha con có than «không con trai để phục thù» nhưng giờ đây mẹ lại mừng, vì con là gái. Mẹ là Phật tử, được tẩm lòng trong bể cả từ bi của Phật, vì thế không bao giờ muốn con nuôi chí ấy. Lâu nay mẹ chờ con đủ trí khôn mẹ mới nói. Con ạ: Lấy ân trả oán thì oán mới tiêu, lấy oán trả oán, oán kết thêm nhiều, vả lại mẹ khuyên con nên thấy cảnh gia đình mình tan nát, thì đừng gieo rắc sự tan nát cho kẻ khác, mẹ chỉ khuyên con nhờ thế.. rồi vì không chịu được sơn lam chường khí, Hoàng hậu đã băng hà trong núi sâu giữa đêm mưa gió toì bời. Cụu thần an táng hoàng hậu xong, rồi không lâu, tuổi già cũng đưa con người trung thần ấy về cõi chết. Những tấm màn đen dày đặc phủ lớp này lớp khác lên đời công chúa thơ ngây. Mất lần hết những tấm thương yêu. Một mình Hương Trinh sống bơ vơ giữa núi rừng hoan vu. Trong huyết quản của công chúa trộn lẫn hai dòng: mẹ là Phật tử phụng sự từ bi, cha thuộc Bà-la-môn giáo, tinh cương quyết và hiếu chiến. Cương quyết của công chúa giống cha, Hương Trinh cải trang (giả trai) rồi lần về đồng nội. Nhờ mặt đẹp ca hay đã tiến cử em sung vào ban nhạc kịch đồng âm của tân quân. Rồi mới thù cũng như tuổi

tác mỗi ngày lớn lên. Hương Trinh chờ cơ hội. Và nàng đã sắp đặt cơ hội trong cuộc lạp du hôm nay.

14 năm nuôi chí nguyện, sống trong lo sợ hồi hộp, chịu nhiều oan trái... cơ hội chỉ đến trong giờ phút này. Hương Trinh run lên, khi hình dáng tiều tụy của phụ hoàng nhìn mẹ con nàng lần cuối cùng. Nàng nóng bừng đôi má vì câu than, của tiên vương... Kẻ thù làm tan nát gia đình, tan nát hạnh phúc nàng, nằm sờ trước mặt. Hương Trinh vận hết sức lực tuốt kiếm ra... Linh hồn tiên vương đang mỉm cười sung sướng vì thấy nàng không kém con trai.

Nhưng than ôi! Lưỡi kiếm sáng vừa ra khỏi vỏ thì bóng mẫu hậu hiện dụ hiện ra, «... Mẹ là Phật-tử được tâm lòng trong bể cả từ bi mẹ không muốn con nuôi chí phục thù...» nghe cha thì bỏ mẹ, nghe mẹ lại phụ cha, 2 chí hướng trái ngược của cha, mẹ đang co trong lòng người con hiếu. Tay bủn rủn, nàng cảm thấy thanh kiếm nặng nề cầm không muốn nổi. Nhưng hình ảnh tiên vương lại hiện ra, hai cánh tay người cha yêu quý bị kẻ thù trói chặt, nàng còn bé nằm áo mẹ đứng xa xa, mẫu hậu vì khóc to đã bị linh nạt nộ. Nét mặt phụ hoàng tiều tụy tiếng than đầy uất hận: «Ta vô phước sanh Hương Trinh! Hừ còn mong gì?»

Mặt nàng nóng rần, khí hận xung lên, hiếu tâm kích phát dữ dội trong lòng, Hương Trinh rit lên: «không thể dụ dỗ hèn yếu nữa. 14 năm trời ta chỉ trông có một phút này. Đại Lâm, ngươi phải đền tội. Ngươi đã giết phụ hoàng ta, ta phải giết ngươi, ngươi làm cho gia đình ta tan nát, ta phải làm cho gia đình ngươi tan nát lại, nghe chưa Đại Lâm!» Lưỡi kiếm Hương Trinh vừa chém mạnh xuống... thì ôi! Bàn tay hiền mẫu lại dụ dàng đưa ra «... con ạ, hãy lấy ân trả oán thì oán mới tiêu, đem oán trả oán

thì oán kết thêm nhiều... mẹ không muốn con gieo rắc nỗi đau khổ cho kẻ khác... »

Hương Trinh tưởng tượng khi Đại Lâm chết, một nhóm cựu thần sẽ thừa cơ khởi nghĩa giam hoàng hậu, hại đông cung v.v... gia đình tan nát... thêm vào đấy muôn dân đổ khổ điêu linh vì chiến tranh... 3, 4 năm nay từ ngày nàng giúp tay với kẻ thù để trị nước, mục đích nàng chỉ muốn trăm họ được an, nay nếu vì thù riêng, sẽ không khỏi xáo trộn cuộc sống thanh bình của quần chúng. Rồi vô số gia đình cũng tan nát theo... điều mà mẫu hậu không muốn, đã tha thiết khuyên nàng.

Hương Trinh nhẩm lại: « Người đã giết cha ta, ta phải giết người, người đã làm gia đình ta tan nát, ta phải làm cho gia đình người tan nát lại... Ồ sao mà hèn quá, ta nuôi chí nguyện 14 năm để làm cái việc hèn ấy ư? »

Giọt nước từ bi của Phật đã làm dịu ngọn lửa hận thù, tâm trí nàng lần lần bình tĩnh. Hương Trinh nhìn lại Đại Lâm, 1 ông già gần 60 tuổi chòm râu để vương diềm hoa râm tuy hãnh diện vênh lên, nhưng giấc ngủ vô minh đã làm con người thành một thầy chết, nàng nghĩ: nếu ta hại một người thất thế thật không phải khí tượng anh hùng, vả lại ngai vàng đã dày vô tâm trí kẻ gian hùng không ít, mà thời gian cũng tàn phá sức lực ông nhiều rồi, đợi gì ta phải giúp thời gian kết liễu đời ông? Thôi ta tha cho.

Giấc ngủ nặng nề vì mệt nhọc nằng bức, Đại-Lâm nằm như, mồ hôi nhễ nhại, ông ú ở trong mê... Hương-trinh tra kiểm vào võ. Thúc vua dậy: Tâu chúa thượng đường về hạ thần đã tìm ra.

Vua bàng hoàng mở mắt: Ồ may quá quả nhân vừa thoát cơn ác mộng. Vua quệt mồ hôi, tiếp: quả nhân mơ thấy con gái cựu hoàng vát kiếm đuổi trăm...

Lã-tiên-Đình buồn mắt nhìn xa, trong nét thu ba của vị anh hùng căn quất (1) đượm một vẻ buồn khó tả,

Chàng nhìn vua: Oai danh bệ hạ lừng lẫy bốn phương, một người con gái đuổi mà bệ hạ sợ chạy sao?

Vua vuốt râu chữa thẹn: Ừ mộng寐 nhiều khi biến tướng (2)

Lã-Tiên-Đình nghiêm nét mặt: Nhưng giả như thật, công chúa tính chuyện phục thù thì chúa thượng nghĩ sao?

Linh tánh đế vương cũng có một phần nào trong con người ấy. Đại-Lâm ngờ vực nhìn Lã-Tiên-Đình, thấy vua thất sắc, chàng thương hại, rồi như một nhà hùng biện, Tiên-Đình đứng lên kể hết sự tình...

Vua hoảng hốt kinh ngạc và cảm động trước cử chỉ cao thượng của Hương-Trinh và đức độ từ bi của cựu hoàng hậu... thần lương tâm đã trở về với con người tham vọng, Đại-Lâm như một tội nhân, ông qui xuống: Quả nhân còn biết nói sao cho hết sự ăn năn của tội ác, thời giờ đây trăm xin giao lại đất nước để công chúa...

Tiên-Đình vội đỡ vua dậy: bệ hạ yên tâm, tôi sẽ đưa đường ngài về để phục vụ muôn dân, còn đất nước là của chung, ngài làm cũng như tôi. Nhưng tôi chỉ khuyên ngài: muốn củng-cố giang sơn phải triệt đề thực hành phước thiện. Thưa ngài: lấy nhân ái để giữ gìn đất nước là khi tượng của thánh quân lấy bạo tàn mà duy trì ngôi báu là hành động của bạo chúa.

Đại-Lâm cúi đầu ngượng ngạo ông thở dài Tiên-Đình tiếp: Bệ hạ đừng ngại, trong khế kinh dạy: có hai hạng người được đức Như-Lai tán thán: 1) là người biết sợ tội phước tin như quả nên không bao giờ dám gây tội ác.

(1) Con gái. — (2) Không thật, thấy lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa lớn v.v.,.

2) là người trót làm tội ác, rồi biết sợ hơn quả mà ăn năn, nguyện chừa bỏ bằng cách lấy công chuộc tội, thì ân cứu khổ cho mọi người v.v... cả hai đều được gọi là « đại trượng phu ». Hồi hận, hổ thẹn, cảm động, kính phục... xáo trộn trong lòng. Đại-Lâm bợ phờ ngẩn nhìn Lã Tiên-Đình với tất cả tấm lòng tri ân.

Trên đường về, lại song song hai ngựa, nhưng chúa tôi hai dòng tư tưởng khác nhau.

Buổi thiết triều hôm nay sao mà buồn bã thế? Quân vương buông khuông như mất đi một vật gì quý giá. Mọi người cũng đều mặc cảm như thiếu một cái gì quen biết lâu nay.

Nhưng khi câu chuyện Lã-Tiên-Đình là công chúa Hương-Trinh đã công khai do Đại-Lâm hoàng đế kể lại thì bá quan đều chưng hửng cũng như sự kinh ngạc và cảm động kính phục chí khí đức độ của vị nữ anh hùng.

Đại-Lâm tiếp: Thật thế chỉ có lấy ân mà trả oán thì oán mới tiêu, lấy oán trả oán thì oán kết thêm nhiều. Nếu công chúa chiêu binh đem về phục thù, thì trẫm không bao giờ chịu thua. Nhưng cựu hoàng hậu đã dặn con: « Lấy nước từ bi dội lên lửa hận » thì quả hơn há lại không bằng một phụ hơn sao? Vậy trẫm cũng nhờ giọt nước từ bi của Phật, rửa sạch lòng tham vọng... thôi gian sơn trả về cho công chúa. Phiền các khanh ra dinh quan võ hộ giá thỉnh người vào đây.

Bá quan nong nả ra đi. Nhưng đến nơi thì cửa vẫn phòng đóng chặt, thanh bảo kiếm Tiên-Đình thường mang, đã treo sẵn trước cửa, là câu trả lời dứt khoát việc không có mặt nàng.

Phải chăng Hương-Trinh biết trước nên nàng đã im lặng từ giả ngai vàng để đi tìm một cái gì cao đẹp hơn?

Phiên dịch ĐẠI-TẠNG-KINH

III.— TU CHỨNG

Tôn này chia làm 27 thứ bậc tu chứng, 27 bậc này gồm trong Tứ hường và Tứ quả, phần nhiều tương đồng với Câu-xá-tôn. Hường nghĩa là hướng về thánh đạo tu tập; quả là kết quả công trình tu tập. Thường gọi là 27 vị hiền thánh như sau:

1.— *Dự-lưu hướng*: Bậc này có 3 vị:

Tùy tín hành: Tín theo lời giảng dạy của các bậc đã chứng quả mà tu hành. Bậc này nhờ nghe pháp (văn) suy gẫm (tư) mà phát sanh trí huệ.

2) Tùy pháp hành: Y chánh pháp tự lực tu hành không còn phải nhờ giảng dạy.

3) Vô tướng hành: Đoạn trừ được kiến-hoặc, kết quả công trình tu tập ở 2 bậc trên.

2.— *Dự-lưu quả*: tức quả Tu-đà-hoàn.

3.— *Nhứt-lai hướng*: bậc này dứt được 5 phẩm tư-hoặc trước ở Dự-giới.

4.— *Nhứt-lai quả*: đã dứt được phẩm tư-hoặc thứ 6 ở Dự-giới.

5.— *Bất-hoàn hướng*: đã dứt 2 phẩm tư hoặc thứ 7 và thứ 8 ở Dự-giới.

6.— *Bất-hoàn quả*: đã dứt 9 phẩm tư-hoặc ở Dự-giới. Quả Bất-hoàn có 11 bậc như sau:

1) Trung ban: Thân trung-ấm (sau khi chết mà chưa thọ sanh) vào Niết-bàn không đợi sanh về Sắc-giới.

2) Sanh ban : Sanh về Sắc-giới tu tập một thời gian mới vào Niết-bàn.

3) Hữu hành ban : Sanh về Sắc -giới đầy công tu tập mới vào được Niết-bàn.

4) Vô hành ban : Sanh về Sắc-giới ít gia công tu tập mà vào Niết-bàn.

5) Lạc huệ : Sau khi sanh về Sắc-giới lần lượt sanh lên tới Sắc-cứu-cánh thiên mới vào Niết-bàn. Cõi này gồm có định và huệ. Bạc này lấy huệ làm vui.

6) Lạc định : Bạc này đợi sanh lên cõi cao tột ở Vô-sắc giới mới vào Niết-bàn ; ở cõi này không còn huệ nữa chỉ an vui trong định.

7) Chuyển thế : Bạc này mặc dù đã chứng Dự-lưu, Nhứt-lai nhưng không sanh về Sắc-giới hay Vô-sắc giới, cứ lần lần sanh ở cõi Dục tu chứng quả Bất-hoàn rồi vào Niết-bàn.

8) Hiện ban : Bạc này chỉ trong một kỳ mà chứng được 3 quả, vào Niết-bàn ngay khi còn ở cõi Dục.

9) Tin giải : Bạc này căn trí chậm lụt, chỉ tin nghe theo lời giảng dạy tu hành

10) Kiến đắc : Nhờ trí lực lanh lợi mà chứng được.

11) Thân chứng : Chứng được diệt-tận-định.

Từ Tùy-tín đến Thân-chứng gồm 18 vị thuộc bậc hữu học

7.— *A-La-Hán hướng.*

10.— *A-La-Hán quả* : Gồm có 9 vị :

1) Thối pháp tướng : Bạc này đã được A-la-hán quả nhưng vì gặp một ít ác duyên mà mất chỗ chứng đắc bèn thối lui về Bất-hoàn quả.

2) Thủ hộ tướng : Bạc này khéo léo gìn giữ không mất quả vị, tương tự như nhập Vô-dư Niết-bàn.

3) Tử tướng : quá sợ thối thất chỗ chứng đắc nên vào Vô-dư Niết-bàn.

4) Trụ tướng : Bạc này có gặp ác duyên cũng không

thối thất nhưng chưa tu gia-hạnh, nên cũng không tiến lên được nữa.

5) Khả tiến tướng: Bạc này tu hành tiến lên nữa.

6) Bất hoại tướng: Bạc này dù gặp ác duyên đến mấy cũng không thối lui.

7) Huệ giải thoát: Bạc này chưa thoát khỏi sự chướng ngại về thiền-định nên không thể vào Diệt-tận-định, mới thoát ly được sự chướng ngại về trí huệ chứng Vô-lậu chơn tri.

8) Câu giải thoát: Bạc đã giải thoát mọi chướng-ngại về thiền định và trí-huệ.

9) Bất thối tướng: Bạc La-hán hoàn toàn không còn thối lui nữa.

Liệt kê 27 vị hiền thánh:

27 Hiền thánh { Tỳ-hương { Tỳ-quả	1, Dự-lưu hương (3 vị)	{ Tùy tín hành Tùy pháp hành. Vô tướng hành.	{ Hữu-học { Vô-học
	2, Dự-lưu quả (1 vị)	{ Trung ban, Sanh ban, Hữu hành ban, Vô hành ban, Lạc huệ Lạc định, Chuyển thế, Hiện ban, Tín giải, Kiến đặc, Thân chứng.	
	3, Nhứt-lai hương (1 vị)		
	4, Nhứt-lai quả (1 vị)		
	5, Bất - hoàn hương (1 vị)		
	6, Bất hoàn quả (11 vị)		
	7, A-la-hán hương (1 vị).	{ Thối pháp tướng, Thủ hộ tướng, Tử tướng, trụ tướng, Khả tiến tướng, Bất hoại tướng, Huệ giải thoát, Câu giải thoát, Bất thối tướng.	
	8, A-la-hán quả (9 vị)		

IV.— QUẢ VỊ.

Tôn này, cũng như Tiều-thừa nói chung, mang tiếng là hạng khỏi thân đoạn tri là vì bị chỉ trích rằng mục đích cứu cánh là nhập Vô-dư Niết-bàn, sợ sanh tử, cầu thoát ly ba cõi mà au trú vào một Diệt đế. Quả đức chứng nhập gồm có 5 phần pháp thân và 18 pháp bất cộng:

1.— 5 phần pháp thân (Panca-dharmakaya) :

— Giới pháp thân (Sila-dharmakaya) : Năng lực hộ trì giới phàm, tăng trưởng thiện pháp dứt trừ ác pháp.

— Định pháp thân (Samadhi-dharma-kaya) : Năng lực tinh thần do sức thiền định, kết quả tâm trí yên tĩnh.

— Huệ pháp thân (Prajna-dharma-kaya) : Kết quả của trí tuệ giải thoát vô minh chướng ngại.

— Giải thoát pháp thân (Vimukti-dharma-kaya) : Kết quả khi chứng được 3 đức trên, thoát khỏi mọi phiền não ràng buộc.

— Giải thoát trí kiến pháp thân (Vimukti-jnana-dharma-kaya) : Đức hạnh của sự giác ngộ hiểu biết mình và kẻ khác.

Năm phần pháp thân này hàng Thanh-văn (Sravakas) cũng đạt được. Ngoài ra, Ha-lê-bạt-ma còn thêm 18 đức tinh nữa gọi là 18 bất cộng pháp (Avenikadharma) gồm có 10 lực, 4 vô úy, 3 thiền định và đại-bi. 18 pháp bất cộng này là đức tánh của Phật vị.

2.— Mười tám pháp bất cộng (Astadasa Avenikadharma).

a) Mười lực (Dasabala) :

1) Thị xứ phi xứ lực (Sthanasthana-jnana-balam) : Năng lực trí tuệ phân biệt sự phải trái,

2) Tri nghiệp báo tri lực (Karmavipaka-jnana-balam) : Năng lực trí tuệ nhận rõ hành động và kết quả trong ba đời.

3) Tri chur thiên tam muội giải thoát tri lực (Dyanavimokshasamadhi)samapati-jnana-balam) : Năng lực nhận rõ các cảnh thiền-định và giải-thoát.

4) Tri chúng-sanh căn tri tri lực (Indriya-parapara-jnana-balam) : Năng lực giác-ngộ hiểu biết căn tri chúng-sanh.

5) Tri chủng giải tri lực (Nanadhimukti-jnana-balam) : Năng lực tri-tuệ hiểu biết từng bậc tri giải-thoát.

6) Tri chủng chúng giới tri lực (Nanadhatu-jnana-balam) : Năng lực hiểu biết từng lớp tri-giác của chúng-sanh.

7) Tri nhất thiết chỉ sở đạo tri lực (Sarvatrayanimitipatipatti - jnana - balam) : Năng lực nhận rõ quả báo của mọi nhân-duyên.

8) Tri túc mạng vô lậu tri lực (Purva-nivasanusmrti-jnana-balam) : Năng lực nhận rõ tiền kiếp.

9) Tri thiên nhãn vô ngại tri lực (Cyutyupatti-jnana-balam): Năng lực nhìn thấu suốt qua kiếp sống của chúng-sanh.

10) Tri lậu tận tri lực (Asravakshaya-jnana-balam): Năng lực diệt tận phiền não tập-khi, chứng quả Niết-bàn.

b) Bốn vô úy (Caturabhaya) tức 4 đức tính không còn sợ hãi của bậc giác-ngộ là: Nhất thế tri vô úy, lậu tận vô úy, thuyết chương đạo vô úy và thuyết tận khổ đạo vô úy. Có chỗ gọi là 4 vô ngại (Caturapratihata). Tuy danh từ khác nhau, nghĩa đồng như một. Người ta gọi 4 vô ngại tri hay 4 vô ngại giải cũng thế. Nay xin cắt nghĩa 4 vô ngại tức đồng thời cũng thấy nghĩa 4 vô úy.

1) Pháp vô ngại (Abisambodhi-vaissaradyam): Bậc giác-ngộ hoàn toàn an tường tất cả giáo pháp.

2) Nghĩa vô ngại (Asravakshaya-jnana-vaissaradyam): Bậc giác-ngộ đã diệt sạch phiền-não mê hoặc, tùy phương-tiện giáo hóa chúng-sanh.

3) Từ vô ngại (Antarayika-dharmananyathatvaniscitavyakarana-vaissaradyam): Các pháp chương ngại con đường đến Niết-bàn, bậc giác ngộ đã sáng suốt nhận rõ, hăng hái dạy mọi người diệt trừ phiền-não chương ngại.

4) Lạc thuyết vô ngại (Nairvanika-margavatarana-vaissaradyam): Bậc giác-ngộ đã diệt hết mọi khổ đau, hăm-hở dạy mọi người con đường giải thoát đau khổ.

c) Ba thiên-định (Tridyana) hay cũng gọi là Ba niệm trụ, nghĩa là tâm bậc giác-ngộ luôn an-trụ vào 3 cảnh sau đây:

1) Duyên thuận cảnh bất sanh hoan-hỷ niệm trụ: Bậc giác-ngộ gặp thuận cảnh không sanh lòng say mê hoan-lạc tâm luôn thanh tịnh,

2) Duyên nghịch-cảnh bất sanh ưu thích niệm trụ: Bậc giác-ngộ gặp cảnh trái không ưu sầu khổ-não, tâm luôn thanh-tịnh.

3) Duyên thuận nghịch cảnh bất sanh hoan thích niệm trụ: Bậc giác-ngộ dù gặp cảnh nào tâm vẫn thanh-tịnh.

d) Đại-bi: Lòng thương yêu vô hạn của bậc giác-ngộ đối với chúng-sanh.

Kỳ tiếp Luật-tôn

Thư Sư Cô

Gửi Tổ-Loan - Saigon

LIÊN TÂM

SAU vài tiếng gõ nhẹ và ngập ngừng, từ trong gian phòng dội ra: « Thanh cứ vào đi! ». Vâng, người khách ấy chính là Thanh. Se sẽ đẩy cánh cửa vừa đủ cho mình lách vào, chưa kịp chào thì nhận thêm một câu hỏi của Sư cô trong dáng điệu điềm nhiên không ngoảnh mặt lại:

— Má đã bớt cúm chưa con?

— Cám ơn Sư-cô. Má con sắp lành. Vì sao cô biết con đến ngay ở ngoài cửa?

— Con cứ tưởng chỉ khi nào nhìn tận mắt mới biết được người à? Tiếng guốc quen thuộc, tiếng gõ cửa vẫn ngập ngừng như mọi khi đã báo hiệu cho Cô trước. Nhưng việc đó không quan trọng. Con vừa mới dự lễ xuất gia xong?

— Vâng, con ở chùa Từ-dàm đến đây. Nhân ngày vía xuất gia, con còn được nghe bản Thông-diệp của Hòa-thượng Hội trưởng về lễ chu niên lần thứ 30 của Hội.

— Thế rồi con đến đây như lần trước, khi viếng chùa Linh Mục?

Sau lời nói ấy là sự im lặng. Sư cô vói nụ cười kín đáo, mắt dán vào những hàng chữ nhỏ. Kế cạnh, Thanh mân mê tà áo hết nhìn chỗ này đến nhìn chỗ khác mà Thanh đã thuộc lòng. Thỉnh thoảng Thanh nhìn lên Sư cô, môi hé mở như muốn nói gì, nhưng lại thôi. Biết tâm trạng của đệ tử, Sư cô gấp quyển sách lại, quay qua Thanh vui vẻ bảo:

— Nào, bây giờ Cô đề thì giờ cho con.

Như người bắt được của Thanh mừng hiện ra mặt, rồi rút:

— Con chỉ xin Cô cho con biết về Hội Phật-Giáo mà Hòa Thượng đã đề cập đến trong bản Thông-Điệp.

Thanh khoe Sư cô tờ giấy in mà Thanh đã cẩn thận gấp trong một quyển vở.

— Chết! Con bắt cô đem thời gian 30 năm thu hẹp lại trong một giờ? Và lại 30 năm ấy đầy đầy cả một lịch sử tự cường tự lập, vượt qua bao nhiêu gian lao hiểm trở! Thanh muốn cô làm việc đó? Ồ, Cô thấy khó khăn làm sao!

— Xin lỗi Sư-cô, thế thì Sư-cô đành ^llặng lẽ con mà mặt trong một tờ chúc mà chính con là một phần tử đang hòa mình trong đó, mà nhiều lần Cô khuyến con tham gia hoạt động của Hội! Bất hạnh cho con là kể đến sau, đến trong lúc « Hội chúng ta được huy hoàng rực rỡ như ngày hôm nay, sau 30 năm vượt qua chướng ngại » như ý của Hòa-Thượng đã kết thúc bản Thông-điệp. 30 năm vượt qua chướng ngại đã thúc đẩy con đến đây hầu Sư cô vớt hy vọng..

Sư cô nhìn vào ánh mắt sáng ngời của đệ tử, mắt Sư cô cũng sáng lên theo lời lẽ chân thành được xuất ra từ đáy quả tim nóng hổi. Sư cô mỉm cười ngắt lời:

— Thôi, Thanh của Cô hôm nay sao mà thao thao bất tuyệt và hăng say đến thế? Cô sẽ làm vừa lòng con. Nhưng Cô báo trước là Cô nói hết sức tổng quát và chỉ đề cập đến những nét chính mà thôi. Thật ra, làm sao nói hết được tinh thần của một tờ chúc huống chi hội chúng ta lại là hội Phật-học?

— Thưa Cô, Hội Phật-giáo chứ? Con nghe rất rõ: Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung phần mà!

— Đó là hiện tại. Cô muốn nói đến 30 năm trước đây kia! Cái danh hiệu đầu tiên là An-nam Phật-học hội đấy!

— Ồ, cái tên gì mà nặng cả tinh chất nó đi!

— Con thử nghĩ cái thời ấy, cái thời thực dân thịnh hành thì chỉ những gì mà thực dân đem đến mới được thực dân ủng hộ, nâng đỡ. Còn những gì có ít màu sắc quốc gia, chứa đựng tinh thần dân tộc, được sự hưởng ứng của quần chúng thì bị đàn áp ngay! Phật-giáo bị nằm trong trường hợp này. Nói thế, để con biết được rằng khi Hòa-Thượng Giác-Tiên và cư sĩ Tâm-Minh hợp tác vớt

4 vị đại đức và 10 vị cư sĩ khác đứng ra thành lập Hội đã gặp phải khó khăn biết chừng nào!

— Thưa Cô, chỉ 16 người!

— Nói 16 người thì không đúng. Phải nói rằng 16 khối óc và cánh tay thiết tha vì chí nguyện hoàng dương chánh pháp, hướng ứng cuộc tân vận động Phật-Giáo Trung-Hoa do ngài Đại-Sư Thái-Hư đề xướng mà cố kết với nhau để chấn hưng Phật-Giáo Việt-Nam đang bị suy đồi đến độ bi đát. Con thấy chưa? Nói như Thượng-Tọa Tri-Quang: « Trong phương diện lịch sử, Phật-Học không phải là kết quả mà là phản ảnh của thời đại; không phải là con đẻ của xã-hội đen tối mà là tinh tú của một đêm mù ». Dù cho các vị sáng lập không muốn dùng chữ Annam cũng không được nào! Mãi đến 1945, hội mới đổi ra Việt-Nam Phật-Học, và qua năm 1957 thì danh hiệu chính thức « Phật-Giáo Việt-Nam » mới được áp dụng. Thật ra, danh hiệu chưa phải là điều kiện tuyệt đối để phản ảnh tinh thần của tổ chức. Quan trọng là ở tôn chỉ và hoạt động của hội có đúng với tôn chỉ ấy không? Về đêm này, cô chắc Hòa-Thượng có đề cập đến.

— Vâng con xin đọc lại « ... Chúng ta có thể hành diện. Hành diện vì những công đức ấy hoàn toàn tự chúng ta ra sức xây dựng trong mọi thiếu thốn, gian lao, chịu đựng! Hành diện hơn nữa là, thời cuộc đã mấy lần thay đổi, lòng người đã mấy bận đổi thay, nhưng lập trường của hội không thay màu đổi sắc, trước sau vẫn trọn niềm chung thủy... »

— Rồi ràng quá. Từ lúc sáng tạo ra hội cho đến nay, hội vẫn giữ được tinh thần tự lập tự tồn, không dựa vào cá nhân nào, thế lực nào, cũng không nhờ, không nhận một sự giúp đỡ của ai để ngã chiều về bên này, bên nọ! Có thể, không phải chỉ 30 năm mà mãi mãi về sau, Hội vẫn sáng ngời với thời gian. Cô không nói đến mục đích, tôn chỉ của Hội vì con đã quá biết. Ở đây cô muốn đề con thấy hoạt động và thành tích của hội qua mấy ngành « Tò chức — báo chí — Phật-học-viện — Gia-đình Phật-tử — Bồ-đề... » Con nên biết rằng nếu đức Phật không phải riêng của ai, của một

tầng lớp nào thì Hội Phật-giáo cũng là hội của quần chúng không đặt vấn đề phân chia giai cấp, tuồi tác, cá tính. Với một tinh thần quảng đại như thế, nên từ một Tỉnh-hội đầu tiên là Tỉnh-hội Thừa-thiên năm 1932 đến 4 năm sau, hầu hết các Tỉnh Trung-nguyên và Cao-nguyên Trung-phần đều có Tỉnh-hội — Đến nay, thì mỗi làng có một Khuôn-hội và có thể đến số ngàn.

Sư cô dừng lại lấy hơi. Lợi dụng cơ hội này, Thanh chen vào ý nghĩ của mình:

— Thế thì số hội-viên có thể lên đến số triệu — Các cơ sở Phật-giáo lan đến thôn xóm, sướng quá nhỉ?

— Con đừng tưởng việc lập Khuôn-hội và sự gia nhập vào Hội dễ dàng đâu nhé! Có phải đề cập đến danh từ « tranh đấu »? Vì có cái gì gọi là chánh mà không bị tà khuấy rối? Có cái gì mệnh danh là ánh sáng mà không bị bóng tối tìm cách lấn áp. Hòa-thượng cũng đã nói lên điều ấy: « Cũng vì sự lớn mạnh của Hội, ảnh hưởng của Hội vào quảng đại quần chúng, cũng chỉ vì cơ sở Phật-giáo mọc lên khắp nơi mà Hội chúng ta phải đối diện, đương đầu với muôn ngàn áp lực... » Có kẻ bị giết chóc, có người bị tù đày, hành hạ. Nếu Hội lấy danh sách những con Phật « từ vì đạo », thì danh sách ấy khá dài. Được truyền thống bởi tinh thần Phú-lâu-na, đại đức Tịnh-Yết, Huệ-Viễn pháp sư, gần đây đại đức Trí-Thuyên (1) người con Phật vẫn « uy vũ bất năng khuất » để giữ vững và phát triển tôn giáo của mình. Có nói Phật giáo có một trong tất cả tầng lớp ngay cả Sinh-viên, Quân-dội, Hướng-đạo v.v... và tất cả những thành tích được đặt nên đều do những sự tự lòng nhà ra quần lấy Hội và còn sẽ trút ra nữa để cúng dường lên đức Bồn-sư đã vì tất cả hy sinh danh lợi quyền quý.

Được như thế là chính vì Hội đã đặc biệt chú trọng đến việc hoàng pháp, cơ quan đào tạo tinh-thần, giữ vững đức tin mà hình ảnh của nó là...

— Phật-Học-Đường và các tạp chí, Phật-Học tùng thư?

— Ừ, phải đó, nếu nói đến Phật-Học-Đường thì phải ghi ân ngài Phước-Huệ ở chùa Thập-Tháp. Ngài là « cha đẻ » của Phật-Học-Đường đấy.

(1) Những người tìm cái chết để hoàng pháp hoặc để chống đối sự đàn áp P.G.

— Thưa cô, làm sao chiêm ngưỡng được Ngài.

— Con lên chùa Bảo-Quốc, xin phép thầy Sư đến đánh lễ Ngài. Có bóng Ngài tại đó và hằng năm có lễ kỷ Ngài vào ngày 22 tháng giêng. Con nhớ đến dự nhé! Giúp Ngài một cách đặc lực và có hiệu quả. Pháp-sư Mật-Khế, Pháp-sư T.Đ. và một số Pháp-sư hiện đang hoạt động không ngừng và đã đào tạo cho hội một lớp Tăng già khả quan Tông-Lâm kiểu mẫu là Tông-Lâm Kim-Sơn, cách đây không đầy 10 cây số. Nay tuy chỉ còn lại dấu vết nguy nga, nhưng Kim-Sơn cũng là hình ảnh oanh liệt và ảnh hưởng của nó thật vĩ đại — Hiện nay, Phật-Học-Viện Trung-phần tại Nhatrang là một cơ quan quan trọng mà trước đây được đặt tại các chùa Trúc-Lâm, Tây-Thiên, Bảo-Quốc... Phật-Học-Viện đã đào tạo một số giảng sư, trú trì không ít hiện đang phục vụ tại các Tỉnh-Hội, Chi-Hội... Còn tạp chí Viên-Âm là một tạp chí có lịch sử 17 năm mà là tiền kiếp của Liên-Hoa... Viên-Âm là công trình của Cư-Sĩ Tâm-Minh.

Sư cô dừng lại, lục trong tủ lấy ra một số Viên - Âm trao cho Thanh, Thanh ngẫm nghĩa, lật từng trang, nhận xét cách trình bày từ hình thức đến nội dung.

— Cái tên Viên-Âm hay quá nhưng con không được hiểu lắm.

— Viên-Âm, có nghĩa là tiếng nói viên mãn, nó đã làm tròn sứ mệnh của một cây đuốc tỏ và sáng, soi đường cho nhân quần không ít.

Tiếng nói viên mãn ấy còn lan ra những người ngoài hội. Ông Nguyễn-Duy-Cần cũng công nhận « Là tạp chí về Phật - Giáo khá nhất từ trước đến giờ ». (2)

Chính nhờ sự truyền bá của Viên-Âm mà các Tỉnh hội đã tự động thành lập. Công trình của cơ quan này đối với hội quả thật là vĩ đại, nhất là việc cải tạo tư tưởng.

Thấy đệ tử của mình miệng há ra như muốn uống lấy lời lẽ, đôi mắt ngược lên miệng Sư cô như tìm trong đó cả kho tàng của hội, Sư cô dừng lại, mỉm cười. Tưởng Sư cô mệt, Thanh vội vã đến bình rót nước. Vừa kính cần đặt tách nước bốc khói thơm phức, Thanh nhỏ nhẹ:

Tạp chí Phật học số 232.

— Con chưa thấy chỗ đứng của con ở trong hội là chỗ nào. Chúng con thì con nít, hoạt động nhậy nhót mà các bác thì tính quá! Đợi khi đến chùa, con thấy lạc lỏng bơ vơ! Có lúc lại tôi cho mình chỉ vì đóng vai trò thụ động! Tầng lớp của chúng con có bị bỏ quên đi không?

— Thắc mắc của con đúng lúc cô sắp nói đến. Hùng ngũ thanh thiếu nhi là đối tượng hoạt động của hội đó con ạ! Sau khi thành lập cơ sở căn bản cho hội thì hội phải nghĩ đến tương lai. Lo cho tương lai tức phải vun trồng những mầm măng hội tại. Thế là tổ chức Gia-đình Phật-tử ra đời... Phong trào này được khởi xướng năm 1940 do sáng kiến của Cư-Sĩ Tâm-Minh — một ngôi sao sáng của hội dưới danh hiệu danh hiệu đoàn Phật-Học Đức-Dục. Với sự tiến triển của nó, các danh hiệu cũng thay đổi: Gia-đình Phật Hóa phổ, Gia-đình Phật-tử... Cái đặc điểm của phong trào này là xây dựng tuổi trẻ trên chân tinh-thần Phật-giáo dựa vào tâm lý, sinh lý của lớp tuổi này. Hiện nay, phong trào lên mạnh, con số đoàn sinh của Trung-phần này đến hơn ba trăm nghìn rất rác từ Cao nguyên đến miền duyên hải, từ đô hội phồn hoa đến xóm làng hẻo lánh. Con có biết không? Cả phong trào ấy đang nằm dưới sự lãnh đạo của một chị đấy!

— Thưa cô, con biết: chị H. T. K. C. dạy ở trường con. Con chỉ nghe cô là Phật-tử chứ con đâu biết cô là một lãnh tụ? Cô người nho nhỏ...

— Ủ, nhỏ ở thể xác nhưng lớn mạnh ở tinh thần. Chừ lãnh-tụ con dùng không đúng lắm với tổ chức này. Ở đây không có điều khiển độc đoán mà chỉ có tinh thần hướng dẫn... Danh từ đời khi cũng quan trọng lắm đấy chứ. Nhưng thôi, cô trở lại phong trào Gia-đình Phật-tử... Tuy chỉ 20 năm hoạt động, nhưng thành tích cũng khá vẻ vang. Để rõ hơn, cô chỉ giót thiệu vớt con tập tài liệu « Gia-đình Phật-tử » đã xuất bản, và cũng giót thiệu vớt con tổ chức ấy là một đám đất rất tốt để con gieo giống hay nói như con, đó là « chỗ đứng của con ». Chưa hết đâu, trường Bồ-Đề là cơ quan vừa giáo dục văn hóa vừa là nơi truyền bá giáo lý. Nói đến Bồ-Đề cô thấy trước cái viễn ảnh tốt đẹp của nó. Hiện nay hầu hết các Tỉnh-Hội đều có trường Bồ-Đề, trung học lẫn tiểu

học. Riêng trường Bồ-Đề Huệ số học sinh trên nghìn rưỡi! Kết quả học vẫn thật đáng tuyên dương.

— Thưa cô, cô biết nhiều quá!

—Ồ, có nghĩa gì, chẳng qua cái biết của cô về hội cũng như một nắm lá trong rừng cây! Có dịp, con đến quý Thượng-Tọa để tìm hiểu thêm.

— Chắc cô giúp nhiều cho hội, nhất là gia-đình Phật-tử?

Sư cô nói nhanh như đánh trống lảng:

— Chỉ sơ sơ thôi.

Nãy giờ nói nhiều thế, nhưng tóm tắt lại thì con sẽ thấy nổi bật những điểm này: Hội đã cho quần chúng thấy đâu là chánh là tà đâu là chân là giả. Những mê tín hủ tục cũng đã bị bỏ một cách không ngờ. Nhất là họ biết cuộc đời của mình do mình sáng tạo, xã-hội này an vui hay đau khổ cũng chỉ do hành động con người mà thôi.

Chuông đồng hồ gõ luôn mấy tiếng. Sư cô đứng dậy bảo Thanh:

— Đã đến giờ cô đi công phu chiều. Cô gửi lời về thăm má nhé!

— Thưa cô!

Sư cô quay lại, vói nụ cười hiền hậu như biết được ý đệ tử.

— Lần sau, con cứ đến!

ĐÓN XEM :

NÉT ĐẸP ĐÔNG PHƯƠNG tập II cũng do NI - cô Thích - nữ Thê - Quán biên soạn, trong đó có những mẫu chuyện đạo đức sắc sảo như tập I. Vì số in có hạn mong quý vị tìm mua gấp kẻo hết.

★ ★ ★

Những vần xuân thơ

Quách - Tấn

HOA là thơ của đất. Thơ là hoa của người. Và Thơ cũng như hoa là hình bóng của Đẹp, thường hiện hiện trong mùa Xuân. Cho nên mỗi bận xuân về, hoa thơm nở đầy vườn, thơ hay nở đầy mặt giấy, trăm hương nghìn sắc say đắm cả trời xuân.

Mà mỗi năm xuân mới mới, thì hoa xuân thơ xuân cũng thay đều mới như xuân. Ngắm những cái mới quá nhiều, hẳn cũng có bạn muốn tìm thú vị trong những cái cũ. Nghĩ vậy nên lục ra đây đôi vần hoa-thơ nở trong những mùa xuân cũ, để hiến cho ai ưng tìm mới trong xưa.

Cổ-nhân thường nói : « Đường thi, Tấn-tự, Hán văn-chương, nhân-gian tuyệt phẩm ». Nghĩa là « Thơ đời Đường, chữ đời Tấn, văn đời Hán, đó là những nghệ phẩm tuyệt diệu trong thế gian ». Cho nên nói đến hoa thơ thì trước hết phải nói đến tác phẩm của Đường-nhân.

Đây 2 bài của TÔ-ĐĨNH đời Thịnh-Đường, nhan-đề là :

XUÂN NHẬT HẠNH VỌNG XUÂN CUNG

**Đông vọng Vọng-Xuân xuân khả liên
Cánh phùng tinh nhật liễu hàm yên
Cung trung hạ kiến Nam-sơn tận
Thành thượng bình lâm Bắc-đầu huyền
Tế thảo thiên thừa hồi liễn xứ
Phi ba cổ lạc vũ trường tiền
Thần du đối tử hoan vô cực
Điều lộng ca thanh tạp quán huyền.**

Tạm dịch :

NGÀY XUÂN VUA DU-HẠNH CUNG VỌNG-XUÂN

*Đông vọng Vọng-xuân xuân đáng yêu
Ngày xanh quyển liễu khói lồng theo
Tráp-trùng cung dưới Nam-sơn dựng
Vòi-vòi thành ngang Bắc - đầu treo*

*Đoanh dẫu xe loan lãn cỏ mướt
Lồng chung rượu thọ cảnh hoa gieo
Ngự chơi cảnh ấy vui khôn xiết
Chim họa đàn ca tiếng đập-điu.*

Đó là chút tình xuân trước cảnh thái-bình thanh trị. Văn-chương trang-nhã dài-các. Tuy không có câu nào nói đến cái TA, nhưng khách xem thơ cũng nhận biết được tác-giả là người ở trong cảnh đặc-ý.

Con người đặc-ý mà gặp được cảnh đẹp-đẽ của mùa xuân nữa thì vẻ đặc-ý càng tăng. Trái lại, đối với những người gặp cảnh bất-như-ý, thì cái vẻ tươi thắm ở bên ngoài chỉ đồ thêm nỗi chua chán ở bên trong cho đậm nét. Như BẠCH-CU-DỊ, lúc bị trích nơi Giang-Châu, đối xuân có bài:

XUÂN GIANG

**Viêm lương hôn hiểu khổ suy thiên
Bất giác Trung-châu dĩ nhị niên
Hải-các chỉ thỉnh triêu mộ cổ
Thương-lâu không vọng vãng lai thuyền
Oanh thanh dực dẫn lai ba hạ
Thảo sắc câu lưu tọa thủy biên
Duy hữu xuân giang khan bất yếm:
Oanh sa nhiều thạch lục sản viên.**

Tạm dịch:

SÔNG XUÂN

*Lần-thần nóng lạnh tối rồi mai,
Quên lững Trung-Châu năm đã hai.
Bên gác sớm hôm hồi trống vọng,
Trước lầu qua lại bóng thuyền ai? !
Tiếng oanh rủ hừng đường hoa tới,
Sắc cỏ cầm chân bến lục ngời.
Chỉ có sông xuân nhìn chẳng chán:
Quần-quanh sỏi đá cuốn dòng trôi.*

Không nói chi đến nỗi buồn của lòng, mà không khí đìu hiu quanh quẽ tràn ngập cả bài thơ. Nỗi buồn thương phát hiện nơi tiếng trống bóng thuyền, niềm nhớ tiếc che dấu dưới lời oanh sắc cỏ. Câu kết nghe như an-nhàn tự-tại, nhưng xét kỹ thì là 1 cách cố gắng làm vui, một lời nói để tự an-ùi.

Vị buồn trong thơ dịu-dàng nhưng thấm-thía!

Và đó là lòng buồn của người tha hương.

Sự phải xa quê của họ Bạch là sự bất buộc, ngoài ý muốn của mình, nên thấy xuân mà buồn, buồn cho thân-phận buồn cho hoàn-cảnh. Như thế buồn đã đành. Có nhiều người đi chơi xa, lòng chưa muốn về, mà thấy xuân cũng đâm ra buồn bã. Như THÔI-ĐỒ là một.

Họ THÔI có bài XUÂN TỊCH LỮ HOÀI rằng :

**Thủy lưu ba tạ lương vô tình
Tống tận đông-phong quá Sở-thành.
Hồ-diệp mộng trung gia vạn lý,
Đỗ-quyên chí thượng nguyệt tam canh.
Cổ viên thơ động kính niên tuyết,
Ba phát xuân thối mãn kính sanh.
Tự thị bất qui qui tiện đắc
Ngũ Hồ yên cảnh hữu thùi tranh.**

Tạm dịch :

*Nước trôi hoa rụng thấy vô tình,
Đưa ngọn đông-phong khuất Sở-thành
Giấc bướm nào nề quê vạn dặm,
Cảnh quỳên tha thiết nguyệt ba canh.
Năm mòn mỗi mắt tin nhà vắng,
Hoa trập-trùng gương mái tóc sanh.
Lòng chưa muốn về về ắc đặng,
Năm hồ khói sóng có ai tranh.*

Nỗi buồn thật đượm đà, cảnh buồn thật đẹp-đẽ. Đó là 1 bức tranh sâu dầy âm-nhạc, 1 khúc nhạc sâu dầy màu sắc Người thường-thức cảm thấy 1 mối buồn đậm nhưng trong, nhẹ nhưng thấm, chậm chậm đi sâu vào đáy hồn.

Một mối buồn thú vị.

Và trong chỗ buồn lại có chỗ tự đắc :

*Lòng chưa muốn về về ắc đặng
Năm hồ khói sóng có ai tranh.*

Một chút tự đắc thanh cao của con người phong lưu tài-tử.

Nhưng cũng có lắm lúc kẻ phong lưu tài tử không còn có thể tự đắc được! Đó là những lúc tâm thần bị cơ hàn làm lụy. Như trường hợp 1 thi nhân đời Thanh :

Thi-nhân ấy, vì sanh kế phải lưu lạc quê người, nhân buồn đề vào vách trọ đất Lương-Hương 1 luật rằng :

Mãn địa du tiền mạc liễu bản,
 Thùy-dương nan hệ chuyển bồng thân!
 Ly hoài, vị âm, thương như túy;
 Khách đề vô ba bất toán xuân.
 Dục ngữ tánh tình tư cốt nhục,
 Ngẫu đàm sơn thủy hối phong trần!
 Mưu sanh tiêu tận luận đề thối,
 Du giữ thánh đồ mại bốc nhân.

Tạm dịch:

Tiền xanh khôn chữa được nghèo (1).
 Liễu xanh khó buộc thân bèo nổi trôi.
 Lòng quê, chẳng rượu, say hoai!
 Quán không hoa nở xui người quên xuân.
 Hồn thơ lịu điu phong trần,
 Thương câu cốt nhục ngại vẩn nước non.
 Mưu sinh đôi bánh xe mòn,
 Thua anh thầy bói khoanh tròn thành đồ.

Xuân đến mà không đoán biết được xuân! Bào rằng vì tại đất khách không hoa, nhưng sự thật là giả lơ đề cho đỡ buồn đở tủi! Đau đớn quá! Những ai đã từng sống trong cảnh buồn tủi âm thầm mới thông cảm nỗi lòng đau đớn ấy!

VIÊN-TỬ-TÀI, một thi bá đời Thanh, trông thấy bài thơ, cảm động, họa vận chép nơi vách, và chép bài nguyên xướng vào thi cảo của mình. Nhưng vì dưới bài thơ đề bích chỉ ghi hai chữ Hoàng-Thôn, là biệt hiệu của tác giả, nên Tử-Tài không đoán biết được là ai. Quyết tâm tìm cho được tác giả. Tử-Tài đi đến đâu hỏi thăm đến đó.

Ba mươi năm sau Tử-Tài gặp quan sát đất Giang-Nam là LAO-TÔN PHÁT. Lão công nói rằng:

— Lúc ta làm quan tề đất Lương-Hương, thấy trên vách quán có hai bài thơ rất hay. Chủ quán muốn đập vách đề xây lại. Ta tiếc bút tích của kẻ tài ba, mới chép hai bài thơ ấy đem trình quan Chế-phủ và xin quan ra lệnh cho tên chủ quán đừng phá vách. Quan Chế-phủ rất tán thưởng hai bài thơ, nên chuẩn y lời ta. Nhờ vậy mà còn chút di tích văn chương. Nhưng riêng tiếc là chưa được biết tác giả của hai giai phẩm ấy.

Nói đoạn vào mở rượu lấy hai bài thơ đem cho Tử-Tài xem, thì đó là bài xướng của Hoàng-Thôn và bài họa của Viên. Chủ khách nhìn nhau cả cười, nhưng cả hai đều than là chưa tìm ra tung tích của Hoàng-Thôn.

Cách mấy năm sau, tình cờ Tử-Tài gặp Hoàng-Thôn tại núi Lương-Điều, mới biết là họ ĐÀO tên NGUYỄN-THÁO. Tử-Tài

kể lại câu chuyện đất Lương-Hương. NGUYỄN-THẢO mừng rằng mình được ba người tri kỷ. (2)

Lòng buồn tả ra thơ mà được người biết đến, thì thật là van hạnh. Cuộc đời lưu lạc của Hoàng-Thôn như thế, dù có khổ sở đến đâu, cũng đã được bù đắp xứng đáng. Không được bù đắp chút may, như trường hợp LÊ-CẢNH-TUÂN, mới thật là tội nghiệp!

LÊ-CẢNH-TUÂN, người đời nhà Trần. Khi quân Minh sang diệt nhà Hồ rồi chiếm cứ Việt-Nam ta, thì LÊ-CẢNH-TUÂN lo mưu đánh đuổi quân Minh để khôi phục nhà Trần. Công việc bại lộ, bị quân Minh lùng bắt, CẢNH-TUÂN phải đi lánh nạn phương xa. Trong khi lữ thứ, nhân lúc xuân về, có bài NGUYỄN-NHẬT rằng:

Lữ quán khách nhưng tại

Khứ niên xuân hựu lai.

Qui kỳ hà nhật thị?

Lão tận cố viên mai!

Nghĩa là:

Quê người khách mãi còn đây,

Xuân sang năm ngoài năm này lại sang.

Ngày về? Đâu biết mà toan!

Vườn xưa luống để mai tàn hết xuân!

Thật là nao ruột! Thật là chua xót! Câu "Lão tận cố viên mai" thật chan chứa tình nhớ thương đối với quê hương không người chăm sóc, và thồ lộ tất cả niềm đau đớn cho tâm thần phải chịu mòn mỏi với chí phục thù!

Vấn chương tự nhiên, nhưng ý tứ vừa thâm vừa thiết! Đó là tắc lòng gửi vào thiên cổ, người hữu tâm đọc đến, ai mà không động tâm?

Lê-Cảnh-Tuân, cũng như Đào-Nguyên-Tháo, Thôi-Đổ, Bạch-Cư-Dị..., vì có tâm sự, nên trông xuân mà buồn. Còn Tô-Đĩnh là người gặp cảnh thuận, cũng như những người gặp cảnh thuận khác, thấy xuân vui càng thêm vui. Cho nên đứng trước cảnh xuân, lòng người vui hay buồn đều do cảnh ngộ. Mà người vui xuân cũng như người buồn xuân, thấy đều chỉ thấy xuân trong một mùa: mùa xuân.

Lúc nào cũng vui xuân, mùa nào cũng thấy có xuân, chỉ có những người đã giác ngộ, như các thiền sư đời Lý đời Trần... chẳng hạn. Các ngài có nhiều bài thơ xuân tuyệt diệu. Như:

Dương liễu hoa thâm diệu ngữ tri,

Hoa đường thềm ảnh ngộ vấn phi..

Khách lại bất vấn nhân gian sự,

Chỉ bạng lan can khán thúy vi.

Đó là bài thơ tức cảnh của 1 nhà sư phái Trúc-Lâm đời Trần.

Tạm dịch là :

*Dương liễu đầy hóa,
Dịu dàng chim ca...
Thềm hoa ánh nguyệt
Mây chiều bay qua.
Khách tìm đến chơi
Hỏi chỉ việc đời.
Lan can đứng tựa
Ung dung nhìn trời.*

Thật là thanh thoát! Thật là đầy thi vị lẫn đạo vị!

Mà muốn hưởng đạo vị trong những bài thơ đầy thi vị của các thiền sư đắc đạo đời Lý, Trần... thiết tưởng cũng nên biết qua thể nào là Xuân theo tinh thần giác ngộ.

Trong kinh Pháp-Hoa có câu rằng:

Chư pháp tùng bản lai

Thường tự tịch diệt tướng.

Nghĩa là « Tất cả các hiện tượng và các loài hữu hình cùng vô hình trong vũ trụ (chư pháp), xưa nay vốn tồn tại trong bản thể tịch diệt ».

Một thiền sư giác ngộ, tập thêm hai câu nữa rằng:

Xuân đáo bách hoa khai

Hoàng Oanh đề liễu thượng.

Ý nói: « Xuân kia là hình bóng của bản thể tùy duyên mà hiện ra hoa thắm, liễu biếc, oanh vàng... »

Như thế, XUÂN theo tinh thần giác ngộ, là cái ĐẸP bất diệt, cái đẹp thường trú của Bản-thể, tức là của Pháp-thân, tức là của Chân-tâm, tức là của Chân-Như vậy.

Cái đẹp ấy, lời nói không thể diễn tả, chỉ tự mình thể hội lấy mà thôi:

Chỉ Bạng lan-can khán thủy-vi.

Muốn thể hội được cái đẹp thường trú, cái đẹp bất-biến kia, thì phải nhìn sâu vào hiện tượng trước mắt để đạt đến Bản thể nhiệm mầu. Khi đã đạt đến rồi, thì cái đẹp hiện ra ở mọi hình thức trong vũ trụ: Lúc nào ta cũng thấy xuân, nơi nào ta cũng gặp xuân.

Ngài Giác-Hoàng Điều-Ngự đời Trần, có bài thơ rằng:

Niên thiếu hà tăng hiểu sắc không,

Nhất xuân tâm-sự bách ba trung.

Như kim khám phá đông-hoàng diệt,

Thiền-bản bờ-đoàn khán trụ hồng.

Tạm dịch :

Tuổi trẻ mờ-hồ lẽ sắc không,
Vui xuân lòng gửi khoảng trăm bông.
Chúa Đông rày đã từng quen mặt,
Thong thả ngồi xem nhánh rụng hồng.

Lúc chưa rõ bản lai diện mục của xuân, thì chỉ thấy xuân trong thời hoa nở, nghĩa là chỉ nhận thấy cái đẹp trong mùa xuân. Đến khi đã chứng ngộ bản thể rồi, thì trông thấy xuân cả trong thời hoa rụng, nghĩa là nhìn thấy cái đẹp ở cả ngoài mùa xuân, bởi vì cái đẹp của Pháp-Thân tồn tại qua không gian và tràn khắp mọi thời gian.

Viên-Chiếu Thiên-sur đời Lý, nhìn thấy xuân trong tiếng còi lườn qua khóm trúc, trông thấy cái đẹp ở trong bóng núi đeo trăng vượt khỏi bức tường :

**Giốc hưởng từng Phong xuyên trúc đáo
Sơn nham đá nguyệt quá tường lai.**

Thiên-sur còn trông thấy xuân, trông thấy đẹp ở trong những giọt mưa rơi rụng khoảng hoa ngàn, ở trong tiếng gió thoảng đưa nơi sân trúc :

**Vũ trích nham hoa : Thân-nữ lệ,
Phong xao đình trúc : Bá-Nha cầm.**

Và Ngô-Ấn Thiên-sur (cũng đời Lý) nhận thấy xuân cả trong nơi than hồng lửa cháy. Thiên-sur có câu :

**Ngọc phân sơn thượng sắc thường nhuận.
Liên phát lô trung thấp vị can.**

Nghĩa là :

*Ngọc cháy đầu non không đổi chất,
Sen sanh trong lửa vẫn tươi màu.*

* Ngọc cháy đầu non, sen sanh trong lửa * là xuân là đẹp, là hình bóng của bản thể thanh tịnh, là chân tướng của Pháp-Thân bất diệt, nằm dưới những hiện tượng xấu xa do ác nghiệp cấu tạo. Nhưng một khi đã * khám phá Đông-hoàng điện * rồi, thì chất trong của ngọc, màu tươi của sen — Cái đẹp của Pháp-Thân, cái xuân của bản thể — vẫn hiển hiện ra trước mắt trong mọi lúc ở mọi nơi.

Cho nên một nhà thơ đã hiểu được lẽ sắc không, thì ở trong hoàn cảnh nào cũng trông thấy cái đẹp, ở trong cảnh ngộ nào cũng an nhàn tự tại mà vui hưởng cái xuân, cái đẹp bất diệt bất biến của Pháp-Thân, cái xuân thường tồn thường trú bản thể. Khi ấy những bài thơ viết ra đều được sắc xuân, và thơ xuân không phải đợi mùa xuân của thế gian về mới nảy nở.

-
- (1) **Du tiên**: thứ bóng cúc tròn như đồng tiền điệu.
(2) chuyện này lấy ở Tuy-Viên Thi-Thoại.

BỒ-ĐỀ ĐẠO-TRÀNG

(*Buddha Gaya*)

(Trích trong quyển « ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT » sắp xuất bản của
Đại - Đức Minh - Châu, Huyền - Vi, Pasadika và Thiện - Châu)



BỒ-đề đạo - tràng là địa điểm thứ hai của cuộc chiêm bái của chúng tôi.

Chúng tôi vượt qua dãy núi hẹp về phía nam thành Vương-xá (Rajgir), hoang vu như bãi sa mạc, với sự tranh sống nung nấu trong lòng. Nay quan cảnh giống như bóng rừng xanh mát mà xưa kia những Đại-đức tu thiền đã tụng vang lên những thánh thư cao đẹp trong tập Theragāthā, Therigāthā. Xứ Bihar nay toàn là một màu xanh lá mạ, mọi vật đều sôi sục với nhựa sống, một sự cần thiết một nạn dịch, hạnh phúc, ra mộng lúa, nhen nhúc những sâu bọ và con nít. Tất cả mọi vật đều đến mức quá độ, trước hết là một sự nghèo đói cùng khắp, một sự nghèo đói tuyệt vọng. Mưa đã biến cảnh hoang vu khô khan của đồng ruộng trở thành những biển lúa gợn sóng xanh mát, nhưng các luống cây đã thấm đầy nước mắt của những kẻ ưu sầu khổ não. Thường năm xảy những nạn lụt ghê sợ, tiếp theo là những nạn dịch rừng rợn. Chúng tôi đi ngang nhiều làng mạc nhen nhúc những người và người. Dân làng xứ Bihar có thân hình nhỏ bé, xương xóc; phần lớn thiếu ăn, và sự thái quá của thời tiết đang in dấu tang thương trên gương mặt mọi người.

Ngang qua sông Ni-liên-thiền (Neranjara) nước mưa dâng lên làm cho sông lớn và rộng. Buổi chiều hiện ra, rực rỡ những màu sắc, ngăn khoảng bởi dãy đồi thon nhỏ đen xám của xứ Brahmyoni. Gaya là cả một đám bùn

và gạch màu nâu sẫm, nào là đèn thờ Hồi-giáo, nào là dầm nước nhớt rĩ chảy, những đọt hương thơm nhảu nhỏ bay lên, những đám khói cuộn cuộn nổi dậy từ những đám lửa cắt bỏ. Làm sao tả được sự ồn ào náo nhiệt của những tiếng còi nhà máy, chuông rung, máy Radio la hét, khoe khoang, nịnh hót, than vãn? Cả một nơi hỗn hợp, nhen nhúc, đầy tràn, sôi nổi những chủng loại, tin tưởng và giai cấp, hận thù, tự mãn, diên đại, tàn phá, héo mòn, đau khổ, nghèo đói và xin xỏ.

Con đường đi đến Bồ-đề đạo-tràng chạy dọc theo sông Ni-liên-Thiên. Càng tới gần thánh địa, sự an tịnh càng tăng dần. Một làn gió nhẹ mát dịu chạy lướt trên mặt sông; những rừng cây Pipal thanh vắng, làm lắng thêm sự điều hòa, yên tịnh. Cả vùng hình như chưa bỏ mất cảnh tịch mịch êm đẹp của thời xưa, cảnh tịch mịch mà các tu-sĩ thời quá khứ ưa thích. Cho đến nay sự ồn ào của làng Buddha Gaya cũng không thể ngăn cách được con đường thanh tịnh đưa đến cây Bồ-đề. Chính là con đường mà xưa kia nhà Ấn-sĩ nhiệt thành Siddharta Gautama từ núi Dungsiri, một ngọn núi khô khan và như một lò lửa trong tháng mùa hè, bên kia bờ sông, đã đi trên nó và lần đến nơi thành Phật Như-lai.

Sáng sớm, cùng đi với chúng tôi có thêm Đại-dức Kiti người Thái ở tại Bồ-đề đạo-tràng. Chúng tôi ra đi và hướng về núi Dungsiri (Khô-hạnh-lâm) Chúng tôi cũng tập theo một vài khổ hạnh nhẹ nhẹ để cho những cảm giác linh hoạt thấu nhận trên đường đi được sâu đậm hơn. Lội ngang qua sông Ni-liên-thiên, là sự thử thách đầu tiên. Sông sâu và nước chảy mạnh. Áo quần ướt toí tả. Lắm lúc chúng tôi như bị nước cuốn đi. Vượt qua được giòng sông, trong lúc trời đổ mưa, là một điều hơi gian khổ đối với chúng tôi, nhứt là Đại-dức Minh-Châu thấp người hơn chúng tôi... Bãng qua những đồng ruộng và làng mạc, đôi lúc chúng tôi phải lội qua những vũng bùn lầy lội những

suối nước đục ngầu. Các làng mạc và đường đi lần lượt bị bỏ lại phía sau. Đốc leo dựng và cao. Đá lớn rải rác khắp nơi. Những rặng núi răn cưa, những tảng đá trơn trượt là những tiêu biểu cho một chí khí nhiệt thành, chơn thật, quyết tiến trên con đường đạo hạnh: đừng thối chí, hãy tiến tới! Một tu-sĩ kiêm thi-sĩ Tây-tạng luôn luôn mặc áo vải, ngài Milarepa, đã hát lên rằng:

«Trên núi có con đường bằng đá, chỗ đó người có thể đánh đổi sự luân hồi hỗn loạn với hạnh phúc thanh tịnh vô biên».

Ngang lưng núi, một ngôi chùa Tây-tạng nhỏ được treo như tổ chim én. Ba vị Lạt-Ma, thuộc phái các Đại-đức giữ giới, đang chạm vài chi tiết của một khám thờ. Toàn cảnh chùa Tây-tạng, với những lá cờ có in kinh chú bằng chữ vàng, các bảng khắc OM MANI PE ME HOM, những mái thếp vàng, những lò lửa quét vôi trắng để đốt trầm hương, trần đầy không khí giải thoát, kinh khoái. Trước mái hiên, có trải cái tấm đệm để ngồi thiền; và trước mặt là những cành hoa cắm chuang tươi nở: chính đức Bồ-tát đã tu khổ hạnh ở chỗ này.

Chúng tôi bỏ vào cái hang khá rộng, chỗ đức Phật trú ẩn trong khi tu khổ hạnh. Hang này nay đã biến thành một khám thờ chạm trổ Tây-tạng làm tăng thêm vẻ đẹp của cảnh tịch mịch núi rừng. Giọng tụng kinh đầy đạo vị và nhịp nhàng của các Đại-đức Việt-Nam. Gây cho tôi một niềm cảm xúc thanh tịnh. Một vị thiền-sư quá khích có thể cho khám thờ và tụng kinh là một sự xa xỉ chẳng?

Tuy nhiên Đức Bồ-Tát đã từ bỏ hang khổ hạnh này.

«Đã lâu quá quen quán tưởng pháp vô sanh, vô diệt, vô trú, tôi quên tất cả định nghĩa của mục đích này hay mục đích khác. Đã lâu quá quen quán tưởng các sắc pháp là pháp thân, tôi quên tất cả sự quán tưởng do tâm tạo tác. Đã lâu quá quen trầm tưởng trên cảnh vô vi giải

thoát, tôi quên mọi phương tiện tập quán tục lệ, thường tình. Đã lâu quá quen sự từ tốn khiêm nhường cả thân lẫn trí, tôi quên sự tự phụ và hãnh diện của các bậc anh hùng vĩ đại (Milarepa: Jetsun Khbun)... và Ngài từ từ tiến đến cây Bồ-đề.

Lễ Phật, tụng kinh dưới gốc Bồ-đề là một kỷ niệm thiêng liêng của tôi. Biết bao nhiêu lần sự lễ Phật chỉ là một cử-chỉ, một thủ tục nghèo nàn, một tập quán tình cảm, và đâu có ý nghĩa, diễn đạt các thứ bậc tu chứng cũng không được vượt quá mức... Lễ Phật dưới gốc Bồ-đề, và các ngọn nến mới lại được thắp đi thắp lại; khói hương Tích-Lan bao phủ toàn ngôi tháp, hắt ngấn ngọn đèn dầu lạc hòa hợp với ánh sáng của những ngọn đèn điện mà các Đại đức Việt-Nam xin thắp để cầu nguyện cho Phật-giáo Việt-Nam được phục hưng nên chọn làm cho toàn Thánh địa rực rỡ và vui vẻ lên. Giọng trầm hùng của các vị Lạt-ma kích-thích đạo tâm. Tiếng tụng kinh Thái cũng tương tự. Nhưng giọng tụng kinh Việt-Nam có nhiều đạo vị và thi-tứ đặt biệt khiến cho người nghe như muốn phải miêu tả như sau:

«Trầm bổng xuống lên như ngọn trúc mềm mại, phấn khởi trước làn gió nhẹ của mùa xuân.» Đạo Phật phải luôn luôn mới và tươi, kích thích, phấn khởi, giải thoát, vượt ngoài Duy-lâm và Duy-vật. Lễ Phật với ý-nghĩa cao đẹp nhất phải là một sự phối hợp giữa trí-tuệ và phương tiện, một sự cố gắng bền bỉ để đi đến bờ bên kia một sự kiểm soát và suy niệm nhiều lần, một sự chính xác khoa-học và trực-giác họa-sĩ và cuối cùng là sự vượt qua tất cả. Chúng tôi ngồi xuống dưới gốc cây đặt biệt nhất trong tất cả các cây, sau đó là Kim-cang-tòa, một khám thờ của tháp Ma-ha Bồ-đề, một tượng Phật Thích-Ca thếp vàng với một nụ cười giải thoát, không có tôn kính, không có lễ nghi, không có lời tụng vô ích.

Từ chánh-pháp chúng ta phải thấy Đức Phật,

Từ pháp-thân, chúng ta thấy con đường chỉ đạo của các ngài.

Tuy vậy chơn tánh của pháp không thể phân biệt được, và không thể nhận thức nó như một đối tượng (E. Conze dịch)

Một ngày mới. Chúng tôi đi về phía nam, dưới những hàng cây bàng to lớn, dọc theo sông Ni-liên-thiền. Bên bờ kia sông. Dungsiri mờ mờ trong sương mù của buổi bình-minh, giống như động Lô-sơn, chỗ tu thuyền danh tiếng của các Thiên-sur đời Tống, đời Trần. Chúng tôi đi ngang qua những cánh đồng còn dầm sương, và đây rồi một đầm nhỏ đầy những bèo xanh, mảnh, chúng ta đã đến hồ Mucalinda. Ở tại chỗ này, Đức Từ-Phụ, khi trời giông tố mưa rào, đã vượt qua 7 tầng thiên-định như thân rắn quấn tròn quanh Ngài. Nay trời đã về thu, thật thi vị và khoan khoái buổi sáng tươi mát và ấm áp này; «khoan khoái thay chỗ này» Kinh Pali đã chép như vậy. Những suối nhỏ quanh co rì chảy đến hồ Mucalinda. Các đồng ruộng thấm nhuần nước tưới và dân làng cũng có vẻ lạc quan hơn nhiều.

Chúng tôi lội qua con sông và đến chỗ bậc Giác-ngộ đã nghỉ ngơi cho khỏe lại, nhà của Sujata (Nàng Tu-Sà-Đa). Một ụ đất — có thể có một ngọn tháp ở dưới — được xem là nông-trại lúc trước của Sujata người đã dâng sữa cho đức Thích-Ca, khi Ngài từ động Dungsiri trở về.

Buổi chiều chúng tôi đi thăm một ngôi chùa Trung-Hoa nhỏ của phái Tịnh-độ. Vị Ni-cô già và can đảm đã tiếp đón chúng tôi rất nồng hậu. Vị này đã sống ở đây rất nhiều năm, nhẫn nại, khiêm nhường, tin thành và từ-ái. Sự yên lặng thật cảm động!

Gần đó là một ngôi chùa Tây-tạng của phái Gelugpas,

thông thường được gọi là phái « mũ vàng ». Đã có nhiều sách viết về « xứ sở bí mật » này, phần lớn rất xuyên tạc, mù mờ, vì nhìn qua sự mờ ám và kích-động của thần bí học. Từ khi những người tị nạn Tây-tạng qua Ấn-độ và hiện cũng vẫn còn người qua, thì phái Vajeyana (Kim-Cang-Thừa) của cựu Nalanda ở thời đại Pála được phục-hưng lại theo truyền-thống Tây-tạng. Chúng tôi có một dịp may mắn tìm hiểu về Lạc-Ma-Giáo. Chùa Tây-tạng ở Bồ-đề đạo-tràng có một bánh xe chánh pháp khổng-lồ. Các bích họa xung quanh, dầu cho hoàn toàn mới, hình như thuộc về một thế giới khác lạ. Cảm giác kinh hãi lại được tăng thêm, khi chúng ta lên tầng lầu trên và bước vào điện thờ Phật. Ban đầu người ta có một cảm-giác bối rối, lúng túng. Điện Phật hình như cả một ổ tơ vò lộn xộn những hình ảnh, họa phẩm và những vật dụng kỳ dị. Nhưng khi ngồi yên tĩnh được một lúc, dần dần mới nhận ra là cả một hệ-thống tinh-thần đặc biệt, điều-hóa. Tấm Tankha (bức vẽ trên bện vào lụa) quan-trọng nhất có vẽ bánh xe luân-hồi. Những màu sắc rực rỡ không làm chói mắt, và hình vẽ theo một hệ-thống cổ truyền chánh-tông tỷ mỹ trong từng chi tiết để đạt được những kết quả mong ước. Sự phức tạp của hình vẽ tượng trưng cho sự rắc rối lộn xộn của đời sống luân-hội; con đường đưa đến giải thoát và hình ảnh thuyết pháp, truyền đạo là cả một hệ-thống hình học phân minh.

Ở trong trục bánh xe có vẽ một con gà, một con rắn và một con heo tượng trưng cho tham, sân, si. Con vật con này cắn đuôi con kia và làm thành một hình tròn vô tận. Vòng tròn xung quanh trục xe chia thành hai phần, đen và trắng, tượng trưng cho Kartma hay nghiệp, một phần hướng thượng, đưa lên cõi trời, thiện đạo; một phần hướng hạ, đưa xuống địa ngục, ác đạo. Những ai tạo các thiện nghiệp sẽ được đưa vào phần hình trắng phía trên, còn những người tạo nghiệp ác thời được đưa vào phần

đen ở dưới. Khoảng giữa hai phần đen trắng và vành bánh xe được chia thành 6 phần. Phần trên, phía giữa (đã được nói đến) diễn tả những cõi hạnh phúc, thanh khiết của chư thiên sáng chói; phía tay trái của cõi chư thiên là thế giới loài người của chúng ta; phía tay phải là hình ảnh của các A-tu-la đang dữ tợn, đang cố gắng công phá các vị thiên thần. Ba phần ở dưới, phần giữa tả những cảnh tra tấn khủng khiếp ở địa ngục; một phần là lửa đỏ rực, một phần là giòng nước xoay kinh khủng; phía tay mặt là những ngạ quỷ với những cổ họng rất bé; phía trái tả cảnh giới khổ đau của súc sanh. Cái vành xe chia thành 12 khoản diễn đạt lý duyên khởi: một người đàn bà mù chỉ vô minh (Avijja) một người làm đồ gốm đang nhồi đất sét chỉ cho hành (Sankhàrà); một con vượn đang cầm các ghè, chậu chỉ cho thức (Vinnana); danh sắc (Nàmarùpa) là hai người trong một chiếc thuyền; một cái nhà với 6 cửa sổ là lục nhập (Salàyatanan) một cặp trai gái ôm nhau chỉ cho xúc (Phasso) thọ (Vedanà) là một người rút ra mũi tên đâm vào mắt; một kẻ nghiện uống rượu, liên miên chỉ cho ái (Tanhà); thủ (Ubàdàna) là một con khỉ đang hái trái cây; một hình ảnh hạnh dâm là sanh (Jàty); Lão (Jarà) là người chống gậy; tử (Maranan) là một số người đang mang thầy chết; cũng vừa chỉ cho sự tiếp diễn của sức sống đưa đến một đời khác. Một con quái vật rừng rợn, ma vương (Màra) đang cắn chặt toàn bánh xe trong rãnh nanh của nó và luôn luôn quay bánh xe ấy chạy tròn với móng vuốt của 2 tay và 2 chân. Phía mặt gốc bên trái đức Thích-Ca đứng thẳng, cao xa, đưa tay chỉ ma vương và bánh xe của nó.

Nhiều bức họa (Tankhas) bao phủ các bức tường với những ác quỷ ghê gớm, khát máu, dẫn độn với những tiếng cười kinh khủng, chế nhạo và yêu quái, những vị tìm đạo giải thoát nhiệt thành dùng những bức họa tâm lý vũ trụ này; đối với những vị này tự ngã chỉ có

thề là dần dần như ma quái. Cả tiềm thức là một thức thề rộng lớn khó hiểu, chưa được khám phá, nguy hiểm. Thức thề này trở thành ý thức khi bị tác động. Các Tankhas là những công thức tâm lý cho người tu thiền quán tưởng, một phương tiện để nhận thức, chứng ngộ và kiểm soát các sự phần nộ bùng phát của dục tình. Các Tankhas khác trình bày hình người, tượng trưng cho Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajnapramita), đang múa cây gươm trí tuệ, chặt đứt vô minh, một trí tuệ đưa người đến bờ bên kia. Chính giữa điện thờ là hình ảnh đấng Đại-từ-Bi Di-Lặc (Maitreya), được cúng dường những Had - dakhi (những khăn quàng trắng); các tua khăn đã nhàu úa.

Phải chăng những yếu điểm của phái Đại-thừa Kim-Cang tương phản với giáo-lý của phái Thượng-tọa-bộ mà buổi sáng và buổi chiều, các đại đức Thái-lan đã tụng bằng tiếng Pali nói rõ sự vô ngã của 5 uẩn. Chính ở ngôi chùa Thái cũng vang dậy những bài kệ về lý 12 nhân-duyên, diễn đạt không tánh của vạn-vật.

Đêm cuối cùng ở Bồ-đề đạo-tràng, tại Tháp Đại-bồ-đề, gần những cột đá, chỗ đức Phật đi kinh-hành, chúng tôi vái chào một vị Lạt-Ma già nhưng có vẻ mặt rất thông minh. Vị này đến với chúng tôi một cách nhún nhường và chúng tôi học được cách chào của các Tu-sĩ Tây-tạng: Người này đụng trán người kia. Vị Lạt-Ma ấy tỏa ra một cảm tình nồng hậu đến nỗi chúng tôi cảm ngay là chúng tôi là bạn tốt với nhau đã lâu, tuy chúng tôi mới thấy nhau lần đầu tiên, trước đây một phút thôi. Vị Rimpotche tiếp tục đi kinh-hành; một lần nữa chúng tôi suy nghĩ đến lối kiến-trúc của ngôi tháp Đại bồ-đề; lối kiến-trúc này đã biểu lộ nhựa sống của sự giác ngộ phổ biến. Bên trong có rất nhiều những khám thờ và tượng Phật. Những vòm cầu dục trong đá với những đường nét giản dị là sự tiết độ của Tiểu-thừa. Ở đây hai vị Tỷ - kheo đang ngồi tu thiền thanh-tịnh trang-nghiêm. Đằng kia vị

Lạt-Ma Rimpotche Tây-tạng của chúng ta và một Đại-đức người Thái đã già, dễ thương đã đi bộ trên con đường dài dằng dẳng từ Thái-lan đến Ấn-độ, chỉ với một bình bát để sinh sống không cần chạm đến một đồng tiền. Như tình trạng của thời xưa, giặc cướp đã tấn công Đại đức. Đại đức đã phải trải qua biết bao gian lao nguy hiểm trong rừng rậm và núi sâu. Tuy vậy gương mặt của Đại đức bao giờ cũng nở một nụ cười phóng khoáng cũng như nụ cười của vị Rimpotche, vị này rất có thể đã phải trải qua những nơi gian lao tương tự trên « nóc nhà tuyết phủ của thế-giới: »

« Có một con đường bằng đá. Chỗ đó người có thể đánh đổi sự luân-hồi hỗn loạn với hạnh-phúc thanh-tĩnh vô biên ».

Chúng tôi bắt đầu đi đến Ba-la-Nại, nhưng chúng tôi không thể nào quên được Bồ-đề đạo-tràng, một tượng trưng phần khởi của sự Giác-ngộ vô-thượng, một sự kêu gọi toàn thể Phật-tử đại đoàn kết, và hơn nữa một Đại-nguyện Bồ-tát. Song song với cây Bồ-đề là nụ cười của Tượng Phật thép vàng.

KÍNH THÔNG BẠCH

Giáo-Hội Tăng-Già Quảng-Nam Đà-Nẵng trân trọng cáo bạch cùng chư vị Phật-Tử được rõ : việc khai thác động Âm-Hỏa-Sơn tại Ngũ-Hành-Sơn (do tòa Tỉnh trưởng Quảng-Nam cho phép) Giáo-Hội chưa ủy quyền cho một vị Tăng-Già hay cư sĩ nào đảm nhiệm việc lạc quyền cả.

Vậy kính mong chư vị Phật Tử hãy thận trọng nếu có người đứng ra tự nhận danh nghĩa của Giáo hội về việc lạc quyền Phật sự nêu trên.

Giáo-Hội Tăng-già tỉnh Quảng-nam (Đà-nẵng)

PHẬT GIÁO MÃ LAI

Đại-Đức : K. Dhammananda Thera
Thích Trí-Chơn dịch

PHHẦN đông Phật-tử Mã-lai tin rằng đạo Phật xuất hiện ở xứ họ khoảng năm 252 trước Tây-lịch, thời gian vua A-dục đang trị vì Ấn-độ. Theo lịch sử, lúc bấy giờ, vua A-dục có gởi hai nhà truyền giáo tên là Sona và Uttara qua thuyết pháp tại vùng Suwanna Bhumi, một giải đất dọc miền duyên hải, chạy dài từ Ngưỡng-quang (Rangoon) thủ đô Miến-điện đến Tân-gia-Ba (Singapore). Nhiều sử gia quyết chắc rằng Phật-giáo du nhập Mã-lai rất sớm, vào lúc mới bắt đầu niên kỷ Thiên chúa, vì khoảng thế kỷ 19, đại tá James, Tỉnh-trưởng Mã-lai, có đào thấy nhiều bản kinh tiếng Phạn (Sanskrit) khắc trên đá, ở vùng Kedah tỉnh Wellesley, chứng tỏ đạo Phật được truyền vào Mã-lai do những Ấn-kiều đầu tiên đến

cư ngụ tại xứ này. Mấy mươi năm gần đây, nhiều di tích Phật - giáo tìm được, trong công trình khảo cổ của Bác sĩ Welles, cũng góp thêm nhiều bằng cứ là Mã-lai đã chịu ảnh hưởng Phật-giáo từ non 2.000 năm trước. Pho tượng Phật cổ nhất ở Mã-lai có lẽ là pho tượng nhỏ bằng đồng, đúc vào khoảng thế kỷ thứ 5 hoặc thứ 6 Tây lịch, do Bà Welles đào thấy ở vùng Kedah. Tại viện Bảo-tàng quốc gia Mã-lai ở Kuala Lumpur, cũng

✱ *Bán đảo Mã-lai gồm 11 Tiểu bang, nằm về phía Đông-Nam Á-châu. Bắc giáp Thái-lan, Đông và Nam giáp Nam-Hải, Tây giáp eo biển Malacca. Diện tích phỏng 132.000 cây số vuông, với dân số ước chừng 7 triệu, gồm phần đông người Mã-lai rồi đến Trung-hoa, Ấn, Hồi và nhiều sắc dân khác. Những sản vật chính của Mã-lai: sắt, thiếc, cao su, gạo, dừa v.v... Mã-lai cũng là nơi gặp gỡ nhiều tôn giáo quan trọng trên thế giới.*

(Chú thích của người dịch)

có trưng bày một pho tượng Phật bằng đồng rất đẹp, do công ty mỏ đào thấy gần vùng Ipoh vào năm 1931. Theo các nhà sử học, thì pho tượng này đúc vào khoảng thứ 5 hoặc thứ 6 Tây-lịch. Cũng còn nhiều pho tượng và bản kinh Phật khắc trên đá khác được đào thấy rải rác khắp Mã-lai, chứng tỏ rằng, Phật-giáo Mã-lai xưa kia, đã trải qua nhiều thời kỳ phồn thịnh.

Có vài giai đoạn, Mã-lai chịu ảnh hưởng Phật-giáo Đại-thừa. Đó là thời kỳ xứ này bị đô-hộ dưới triều vua Sri Vijaya, một Phật-tử ở đảo Java thuộc xứ Indoésie (Nam-dương) ngày nay (1). Lịch-sử có chép rằng Bán đảo Mã-lai và một phần nước Thái-lan bị triều vua Sri Vijaya bảo hộ từ thế kỷ thứ 7 đến thế thứ 12. Đến cuối thế kỷ thứ 13 gần hết Bán đảo Mã-lai thuộc quyền kiểm soát của Thái-lan, cho nên lúc bấy giờ, Phật-giáo Tiểu-thừa ở Mã-lai

lại có cơ hội phát triển (2). Đến năm 1276, tin-ngưỡng của Mahomed Shah du nhập Malacca (Mã-lai), nên dân chúng bắt đầu hướng theo Hồi-giáo. Nhưng có nhiều bằng chứng khác cho rằng lúc bấy giờ, Mã-lai vẫn đang còn ảnh hưởng sâu đậm Ấn-độ giáo cũng như Phật-giáo Tiểu và Đại-thừa. Nhưng từ khi chủ quyền của vua Sri Vijaya ở Java suy yếu, ảnh hưởng Phật-giáo và Ấn-giáo mờ nhạt dần, và đạo Hồi-Hồi mới có dịp bành trướng mau lẹ ở Mã-lai. Từ đó cho đến lúc Mã-lai có người Trung-Hoa sang trú ngụ, nghĩa là bắt đầu thế kỷ 14 trở đi, thì Phật-giáo ở đây hầu như bị chìm hẳn. Phải đợi đến thế kỷ 19 và 20,

1) Indonésie là một trong những nước chịu ảnh hưởng Phật-giáo Đại-thừa như Trung-hoa, Nhật-bản, Tây-tạng và Việt-Nam.

2) Thái-lan, cũng như Tích-lan, Ấn-Độ, Cao mên, Ai-lao, Miến-điện là những nước Phật-giáo Tiểu-thừa.

đa số người Trung-Hoa đổ xô sang Mã-lai lập nghiệp, và cùng lúc họ đã đem truyền vào xứ này, ảnh-hưởng pha trộn gồm Phật-giáo Đại-thừa, Khổng-giáo và Lão-giáo. Ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy nhiều ngôi chùa ở rải rác các tỉnh, khắp Liên Bang Mã-lai. Hội Sasana Abhiwurdhi-Warhana ở Kuala Lumpur là một cơ quan Phật giáo thành lập lâu năm nhất. Hội này duy trì một ngôi chùa danh tiếng tại Thủ-đô Liên-Bang Mã-lai, với nhiệm vụ tiến hành các Phật sự và phổ biến giáo-ly đạo Phật trong toàn thể dân chúng. Hiện ở Mã-lai, dân số Hoa Kiều phỏng độ 2.400.000 nhưng Phật-tử chiếm hết 1.800.000 còn các Kiều dân Phật-tử khác ước chừng 31.000.

Đề kỷ niệm, nhân dịp lễ đức Phật nhập Niết-bàn năm 2.500, hội Phật-giáo Selangor đã dựng một ngôi chùa mới

rất đẹp. Nhiều trung tâm địa phương, dành cho các bạn Phật-tử Thế-giới, cũng được xây cất ở Pénang và Selangor khiến mấy năm gần đây, Phật-giáo Mã-lai có nhiều sự phục-hưng mới mẻ. Một vài ngôi chùa do các Phật tử Thái-lan Miến-diện thành lập, cũng đã góp phần đáng kể trong việc phát triển đạo Phật tại xứ này.

Hiện nay, Phật giáo đang được phổ biến rộng rãi khắp Mã-lai, nhờ sự nỗ lực hoạt động của chùa Mahindarana ở Pénang, và Hội Phật-giáo Penang. Nhiều nhà sư đủ các nước Trung-Hoa, Tây-Tạng, Thái-lan, Miến-diện, Tích-lan, và Tây-Phương, đã cùng nhau tham gia mọi công tác Phật-sự, cũng như diễn giảng Phật-pháp cho tín đồ và toàn thể dân chúng. Ngày chủ nhật, tại các chùa, nhiều lớp học được mở dạy dành cho những trẻ em Phật-tử. Nhất là người ta chú ý, chăm sóc thường xuyên đến

những trẻ em ngoại quốc. Chương trình dạy gồm có tiếng Anh, Trung-Hoa, và Sinhalese (Tích-Lan). Thêm nữa, nhiều thư viện Phật-giáo, đầy đủ kinh sách, mở tại các chùa giúp cho tín đồ, và dân chúng đủ phương tiện học hỏi, nghiên cứu giáo-lý đạo Phật. Nhờ thế, mà số người đọc sách Phật càng ngày càng tăng. Những tổ chức thanh niên Phật-tử cũng được thành lập khắp Liên-bang Mã-lai. Mỗi chiều chủ nhật, những thiếu niên Phật-tử thường đến họp ở các chùa. Tại đây, sau những giờ hoạt động thanh niên, chơi đùa vui thích, họ học giáo-lý, hoặc tham gia những công tác Phật-sự.

Hiện giờ, Phật-giáo Mã-lai đang được sự chú ý và nâng đỡ của nhiều thành phần trí

thức trong các đoàn thể dân chúng, nên mấy năm gần đây, Phật-giáo xứ này đã tiến triển rất nhiều. Ngày nay, mặc dầu Hồi-giáo được xem gần như là tôn giáo chính ở Mã-lai, nhưng mọi người dân đều có quyền tự do tín ngưỡng, và những nhà lãnh đạo các giáo phái khác vẫn được tự do hành đạo để phổ biến rộng rãi trong quần chúng tôn giáo của mình.

Tóm lại, có thể nói rằng, sau bao thế kỷ thăng trầm, Phật-giáo Mã-lai ngày nay đã được bành trướng nhiều hơn trước, nhờ sự góp phần xây dựng của mọi giới Phật-tử trí thức trong nước, cũng như các kiều dân ngoại quốc ham chuộng đạo Phật, đến cư ngụ tại xứ này.

(Trích dịch tạp chí The World Fellowship of Buddhists — September, 1961)

MÁCH THUỐC

Bác-sĩ Nguyễn-khoa Nam-Anh
Y-Khoa Đại-Học PARIS
213 Huỳnh-Thúc-Kháng — Huế

Ô H.Đ.B (Thừa thiên)

1) Không phải vì uống Ascyt quá nhiều mà tai ông bị điếc. nếu bị điếc thì bị cả hai tai.

2) Lỗ tai ông điếc vì một cơ khác, khuyên ông nên đến Bệnh-viện khám và điều trị.

Cô LT. Tấm (Phan Rang)

Bị đục lỗ mũi một lần rồi mà bệnh vẫn tái phát lại nhiều lần là vì bị nhiễm trùng chứ có phải vì đồ ăn làm ra mũi dậu mà có phải kiêng cử. Khuyên cô nên giọt vào mũi HYDROCORTISONE GOUTTES NASALES sáng một lần chiều một lần, và dùng PÉNICILLINE chích mỏng mỗi ngày 500.000 đơn vị cùng hít hơi PÉNICILLINE (aérosol). Ăn uống như thường không kiêng cử gì.

Ô. Đ. Xuyên (Huế)

Đau phong-thấp đã lâu chữa bằng Salicylate và các thứ Hydrocortancyl, cortisone v.v. nhưng không lành, càng ngày bệnh càng tăng thêm, nhức rất nhiều cả thân thể.

Trả lời:

— Uống BUTALGINE mỗi ngày ba lần, mỗi lần 1 viên sau mỗi buổi cơm.

Ông T.Đ. Nguyễn (Hội-An)

1) Thuốc VITASCORBOL 500 ông để lâu một năm không dùng được nữa, nhất là nó đã trở thành màu vàng.

2) Thuốc GLUCO.CALCIUM để đã hai năm cũng nên bỏ.

3) Những mụn lộp cộm như mụn cóc của anh ông, mọc trên lưng gần cổ họng, thì người nào cũng có nhưng anh ông mọc to hơn, không có gì đáng ngại. Nhốt ở miệng khạc ra dằm, cần đi Bác-sĩ khám mũi họng.

Ô. Lê v Tĩnh (Huế)

Đã một tháng nay nơi dương vật có nổi lên mấy mụn gì do đó ngứa ngứa khó chịu.

Trả lời:

— Uống ALBAMYCIN'T mỗi ngày ba lần mỗi lần một viên sau mỗi buổi ăn. Uống trong năm ngày.

Xoa chỗ mụn nổi ngứa đó ngày một lần với POMMADE À L'HYDROCORTISONE.

Bà Trần thị Th. (Nha trang)

— Phái nữ, 22 tuổi — Bị mồ hôi tay và mồ hôi chân, nhất là mùa, nọc tỏa ra như dúng vào nước.

— Hàng ngày tiêu tiện rất ít lần, có thể nhìn được hai ba ngày liền không cần đi cũng được.

— Đầu vú đang độ nảy nở, tự nhiên bị nứt làm đôi mà không cảm thấy đau đớn gì cả.

— Chồng tôi, sinh-viên, 27 tuổi, gầy ốm (cao 1m59, nặng 41k) đã tiêm rất nhiều B₁₂, B₁, C, Cacodylate de Na uống Phillips' milk of magnesia v.v... mà không thấy lên cân. Tiêm Durabolin có được không? Trả lời:

— Uống PROBANTHINE sáng 1 viên chiều 1 viên.

— Uống DIAMOX ngày 1 viên, uống luôn trong ba ngày thì nghỉ một tuần, có tiêu tiện ít thì uống lại theo như vậy. Chớ có nhịn mà nhiều khi có thể bị bễ bọc tiêu.

— Đầu vú bị nứt như vậy là thường, không nên quan tâm lắm

— Khuyến chồng có nên ăn nhiều đồ ngọt, đồ mỡ. Có thể tiêm mỗi ngày 5 đơn vị INSULINE sau buổi cơm trưa. Chớ dùng DURABOLIN lợi nhất thời nhưng hại lâu dài.

Diệu Minh (Sông Cầu)

Bệnh lèpre (phung) có thể chữa lành nhờ các thứ thuốc như ALEPOL, HYRGANOL, PROMINE, DIAZONE, PROMISOL, CIMEDONF STREPTOMYCINE, ISONIAZIDE, THIOSEMICARBAZONE v.v... phần nhiều các thứ thuốc này đều có bán tại các dược-phòng thuốc Tây.

Ô N. Am KBC 4447

— Ông nên chích CHOPHYTOL hai ngày một ống vào móng (hoặc mỗi ngày uống một viên VANILONE hay BILSAN sau cơm trưa và một viên sau cơm tối). Cứ cách 4 ngày chích một ống SYNCORTYL 10mg vào móng. Uống thêm 1 muỗng to TONIQUE BAYER trước mỗi buổi cơm ngày ba lần.

— Về phải ông, vì không thấy ảnh chụp quang tuyến ra sao nên không thể biết cách trị liệu và cũng không có ý kiến gì được về việc ông đã dùng thuốc trị bệnh.

Quý vị Phật-tử trong nước và ngoài nước, muốn góp bài đăng vào số Phật-Đản xin gửi về trước ngày rằm tháng 3 âm-lịch mới kíp, kẻo các năm trước có những bài rất hay nhưng đến Tòa - soạn quá chậm nên không đăng được.

Mong quý vị lưu ý.

L. H.

Hộp thư

Kính gửi Ngài Pháp-Chủ Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Phần,
- Ngài Hội-Trưởng Hội Phật - giáo Việt-Nam tại T.P.
- Quý vị Hội-Trưởng Tỉnh - Hội Phật - giáo Quảng-
Ngãi, Bình-Định và Phú-Yên.
- Quý Gia-đình nạn-nhân ở Quảng - Ngãi, Bình-Định
và Phú - Yên.

Chúng tôi có tiếp được tập tài-liệu 53 tờ của Phật-giáo Trung - phần trong đó có những bức thư đã đệ lên Ngô Tổng - Thống và đã gửi ông Chủ-tịch Quốc-hội, quý ông Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi Bình-Định và Phú-Yên, và những chứng thư khiếu nại của các nạn-nhân cùng gia-đình nạn-nhân bị cưỡng-bách khủng-bố ở ba Tỉnh trên, yêu-cầu chúng tôi đăng vào Nguyệt-san Liên-Hoa.

Chúng tôi định đăng tài-liệu ấy vào Liên-Hoa số 2 này, vì chúng tôi nhận thấy : đây là một việc làm hợp với hạnh Từ-Bi, nói lên tiếng lòng của những đồng-đạo vô tội phải lâm vào cảnh khổ nhục, hy-vọng thấu đến Chánh-quyền thượng cấp, để Chính-quyền kịp thời giải-quyết và chấm dứt nỗi oan khổ cho đồng-bào hầu gây tinh-thần đại đoàn-kết giữa toàn dân và bảo-tồn quyền Tự-Do Tin-Ngưỡng đúng theo Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa,

Nhưng rất tiếc vì lý do đặc-biệt ngoài ý muốn của chúng tôi, nên không được đăng tài-liệu ấy vào Liên-Hoa, Kính mong quý Ngài cùng quý liệt-vị thông cảm cho thành ý của chúng tôi,

Kính thành cầu Đức Từ-Bi gia-hộ quý ngài cùng quý liệt-vị dũng-mãnh phụng-sự Chánh-pháp.

Kính chào thông cảm.

LIÊN - HOA

TIN TỨC

Lé thọ giới tại Đài Bắc. — Người Mỹ theo Phật-giáo đại đức Susiddhi đã thọ giới Bồ-tát tại Linh-Chi Phật-tự ở Đài Bắc thủ đô Đài-Loan. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật-giáo Đài-Loan mà một vị sư người Mỹ đã thọ giới Đại-thừa, các Thượng-tọa của nhà chùa đã sắp đặt đề tổ chức một nghi lễ long trọng và xứng đáng.

Các Thượng-tọa của hai chùa Linh-Chi và Shi-Pu các sinh viên của đại-học Phật-giáo kinh, các sư và ni-cô của viện nghiên cứu Phật-giáo Trung-hoa đều có mặt trong buổi lễ. Ngoài còn có nhiều nhà ngoại giao và nhân viên cao cấp của chính phủ đến sự lễ này. Tại Phật đường treo cờ Trung-hoa, Hoa-kỳ, cờ Phật-giáo xen lẫn nhau phát phới trong buổi lễ, một sự lạ chưa từng thấy tại Đài-Loan.

Ủng hộ các trường học Phật giáo. — Theo lời ông Bộ-Trưởng văn hóa Tích-Lan, chính phủ Tích-Lan hiện tại hoàn toàn ủng hộ các trường Phật-giáo đang đóng vai trò quan trọng trong công việc xây dựng những công dân tốt lành đạo và hữu ích. Ông nói rằng chính vì nhằm mục đích cải thiện Phật-giáo văn hóa và giáo dục Phật-giáo mà vị Thủ tướng quá cố Bandaranaike đã lập thêm bộ văn hóa. Ông cho biết thêm là chính phủ hiện đang quyết tâm phục hồi lại Phật-giáo và Phật-sự trong huy-hoàng ngày xưa của nó, mọi cố gắng sẽ được thực hành để bảo vệ quyền lợi của Phật-tử xứ này mà không làm hại đến các tôn-giáo khác.

Hai mỹ thuật gia Hoa-kỳ thích Phật-giáo. — Hai nhà mỹ thuật Hoa-kỳ đi vòng quanh thế giới nghiên cứu mỹ thuật đã ham thích Phật-giáo. Họ đã đến Tích-Lan trong chuyến du hành. Đó là hai ông Robert Dowans 34 tuổi, và Thomas Leary 30 tuổi. Họ đã chung sống phần lớn thì giờ của họ cùng các vị sư ở chùa. Tại Thái-Lan họ đã học tham thiền và một ngày chỉ dùng hai bữa ăn. Họ nói đã ham thích Phật-giáo vì tại Cựu-kim-sơn nơi quê nhà của họ có một trung tâm Phật-giáo lớn nhất ở Mỹ-quốc với một ngôi chùa rất to.

Một hội Phật-giáo tại Vạn-tượng. — Những Phật-tử ở Vạn-tượng (Lào) đã thành lập một hội Phật-giáo do đại-deức Maha Pala lãnh đạo. Hội mang tên « Maha Buddha Vongsa » và có mục đích truyền bá Phật-giáo trên thế-giới. Hội xuất bản một nguyệt san « The Vongsa Buddha » bằng tiếng Lào.

Một phái đoàn Phật-giáo Nhật-bản tại Ấn-độ. — Một nhóm nhà sư và kỹ nghệ gia Nhật-bản đã đến nghiên cứu tại Ấn-độ. Phái đoàn do Hòa-thượng Gyojin Hashimoto lãnh đạo, vị sư Trụ trì của ngôi chùa nổi tiếng Yakuohiji ở Nara, đã được một số đồng Phật-tử đón tiếp ở Santor Cruz phi trường tại Bombay. Cùng đi với phái đoàn có hội Kochoi Tokino phó chủ tịch hội Phật-giáo Nhật-bản và giám đốc hội văn-hóa Phật-giáo Nhật-bản, và Hòa-thượng Mumon Yamada chủ tịch trường Cao-đẳng Hanazono.